



# CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 03+04

Ngày 20 tháng 01 năm 2022

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

10-12-2021	Nghị quyết số 187/NQ-HĐND về điều chỉnh Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên	3
10-12-2021	Nghị quyết số 189/NQ-HĐND thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019 - 2021	13
10-12-2021	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND thông qua Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết và giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2026”	16
10-12-2021	Nghị quyết số 191/NQ-HĐND thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 2 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	50
10-12-2021	Nghị quyết số 193/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	75
10-12-2021	Nghị quyết số 195/NQ - HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng quần thể	79

Khu Văn hóa - Thể thao - Công viên cây xanh thị xã Phổ Yên

10-12-2021	Nghị quyết số 196/NQ-HĐND thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	81
10-12-2021	Nghị quyết số 198/NQ-HĐND về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2022 tỉnh Thái Nguyên	88

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 187/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2021

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2021 tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét Tờ trình số 217/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua điều chỉnh Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

**1. Mục tiêu tổng quát**

Ban hành các văn bản quy định về cơ chế tài chính địa phương; huy động, phân phối, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; từng bước cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, đầu tư hợp lý cho con người và giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính đi đôi với đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính; giảm mạnh và kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, nợ công.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Thu ngân sách nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 là 92.243.000 triệu đồng, trong đó thu nội địa là 77.053.000 triệu đồng; thu xuất nhập khẩu là 15.140.000 triệu đồng; thu viện trợ, ủng hộ đóng góp 50.000 triệu đồng. Mục tiêu tăng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2020 - 2025 (không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết) tăng bình quân 10%/năm.

b) Chi ngân sách địa phương: Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 là 86.707.076 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 31.340.989 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 47.003.481 triệu đồng.
- Chi trả nợ gốc và lãi vay: 326.662 triệu đồng.
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 6.244.110 triệu đồng.
- Trích quỹ dự trữ tài chính: 5.000 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 1.786.834 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

c) Các chỉ tiêu về quản lý nợ: Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 là 21.999.858 triệu đồng. Kế hoạch vay giai đoạn 2021 - 2025 là 1.060.435 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

### 3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

a) Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật Ngân sách nhà nước, các Luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn; không ban hành các chính sách làm giảm nguồn thu ngân sách.

- Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về quản lý thu ngân sách nhà nước, trọng tâm là thuế và hải quan; chủ động xử lý các tác động đến nguồn thu ngân sách, hằng năm quyết tâm thu đạt và vượt dự toán giao.

- Đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí, thời gian cho người dân, doanh nghiệp; quyết liệt chỉ đạo chống thất thu thuế nhất là trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, đất đai, tài nguyên khoáng sản, các đối tượng nộp thuế theo hình thức khoán; tăng cường kiểm tra, kiểm soát xác định giá tính thuế hải quan, chống chuyển giá, giảm nợ đọng thuế; điều chỉnh, bổ sung (nếu có) đối với các chính sách về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền; bao quát các nguồn thu, đơn giản thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, tạo thuận lợi cho các đối tượng nộp thuế; tăng cường thu ngân sách từ hộ kinh tế cá thể.

- Thực hiện tốt công tác rà soát quỹ đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh, tăng cường thu nợ tiền sử dụng đất; gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và phát triển kinh tế xã hội; tiếp tục thực hiện tốt công tác đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ở những khu vực, địa bàn còn tiềm năng, góp phần tăng thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư để sớm đưa vào khai thác, tạo doanh thu; tăng cường gỡ gỡ, trao đổi, đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Công khai thông tin người nợ thuế đối với các trường hợp đã thực hiện cưỡng chế theo quy định. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện các biện pháp xác minh thông tin, cưỡng chế đối với chủ doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Tăng cường đổi mới trong công tác lập, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước theo hướng tinh giản biên chế, khuyến khích tiết kiệm chi, khuyến khích tăng thu ở những nơi có nguồn thu để thực hiện nhiệm vụ chi; giảm chi thường xuyên và tăng chi cho đầu tư phát triển. Rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, chú trọng các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng; đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành; hạn chế tạm ứng ngân sách và chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau.

c) Đẩy mạnh công tác phát triển doanh nghiệp; tăng cường công tác xúc tiến đầu tư; mời gọi, thu hút đầu tư các dự án đầu tư ngoài ngân sách và dự án theo hình thức hợp tác công tư PPP nhằm tạo nguồn thu, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước.

d) Thực hiện rà soát các dự án để bố trí kế hoạch vốn thanh toán nợ xây dựng cơ bản giai đoạn 2016 - 2020 trên nguyên tắc, thứ tự ưu tiên và chỉ đạo của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương; bố trí thanh toán dứt điểm trong 02 năm đầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

đ) Tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển; điều hành sử dụng nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất của cấp huyện với định mức, tỷ lệ cụ thể để chi cho những nhiệm vụ ưu tiên. Tổ chức thẩm tra quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành theo phân cấp quản lý đầu tư hiện hành đảm bảo thời gian, quy định của nhà nước.

e) Đẩy mạnh cải cách khu vực sự nghiệp công kết hợp với xã hội hóa, thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí. Tăng cường quản lý cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công, làm cơ sở cơ cấu lại các lĩnh vực chi ngân sách nhà nước.

g) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách trong xây dựng cơ chế, chính sách và thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng ngân sách; nâng cao vai trò và năng lực quản lý, điều hành về tài chính ngân sách của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là công chức làm công tác tài chính, kế toán nhằm đảm bảo thực hiện đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành và yêu cầu quản lý theo quy định; thực hiện chế độ công khai tài chính, ngân sách đầy đủ đối với tất cả các cấp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán.

h) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng về quản lý sử dụng ngân sách nhà nước, đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng.

i) Theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả thị trường, kiên quyết xử lý những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về giá; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát tốt nguồn thu cổ phần hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I**  
**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025**

(Kèm theo Nghị Quyết số: 187/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Thực hiện giai đoạn 2016-2020						Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	
		Tổng giai đoạn	2016	2017	2018	2019	2020	Đã phê duyệt tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	Sau điều chỉnh
<b>A</b>	<b>TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH</b>	<b>488,146,057</b>	<b>75,514,000</b>	<b>85,464,000</b>	<b>98,518,000</b>	<b>107,820,009</b>	<b>120,830,048</b>	<b>734,033,000</b>	<b>835,686,904</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>68,914,509</b>	<b>9,816,210</b>	<b>12,789,065</b>	<b>15,076,731</b>	<b>15,609,290</b>	<b>15,623,214</b>	<b>91,700,000</b>	<b>92,243,000</b>
-	<i>Thu NSNN trên địa bàn trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết</i>	<i>57,985,807</i>	<i>8,601,300</i>	<i>10,273,653</i>	<i>12,506,099</i>	<i>13,387,130</i>	<i>13,217,626</i>		<i>79,477,000</i>
-	<i>Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)</i>			30%	18%	4%	0%	8%	9%
-	<i>Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết(%)</i>			19%	22%	7%	-1%	10%	10%
-	<i>Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)</i>		13%	15%	15%	14%	13%	12%	11%
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>55,784,718</b>	<b>7,937,927</b>	<b>10,011,163</b>	<b>11,856,678</b>	<b>12,861,120</b>	<b>13,117,830</b>	<b>75,145,000</b>	<b>77,053,000</b>
1	<i>Tốc độ tăng thu (%)</i>			26%	18%	8%	2%	9%	8%
2	<i>Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)</i>		81%	78%	79%	82%	84%	82%	84%
2.1	<i>Trong đó: Thu tiền sử dụng đất</i>	10,877,034	1,214,910	2,504,731	2,558,631	2,208,634	2,390,128	10,985,000	12,700,000
2.2	<i>Thu xổ số kiến thiết</i>	51,668		10,681	12,001	13,526	15,460	70,000	66,000
<b>II</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	<b>12,662,264</b>	<b>1,696,592</b>	<b>2,718,135</b>	<b>3,163,780</b>	<b>2,668,769</b>	<b>2,414,988</b>	<b>16,555,000</b>	<b>15,140,000</b>
1	<i>Tốc độ tăng thu (%)</i>			60%	16%	-16%	-10%	4%	10%

2	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)		17%	21%	21%	17%	15%	18%	16%
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ, ủng hộ đóng góp</b>	<b>467,527</b>	<b>181,691</b>	<b>59,766</b>	<b>56,273</b>	<b>79,401</b>	<b>90,396</b>		<b>50,000</b>
<b>C</b>	<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>71,580,793</b>	<b>10,892,227</b>	<b>12,946,387</b>	<b>15,156,711</b>	<b>16,193,931</b>	<b>16,391,536</b>	<b>88,256,007</b>	<b>85,646,641</b>
-	Tốc độ tăng thu NSDP (%)			19%	17%	7%	1%	7%	5%
-	Tỷ lệ thu NSDP so với GRDP (%)		14%	15%	15%	15%	14%	12%	10%
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>53,446,749</b>	<b>7,772,088</b>	<b>9,503,913</b>	<b>11,375,419</b>	<b>12,185,867</b>	<b>12,609,462</b>	<b>70,926,000</b>	<b>73,332,860</b>
1	Tốc độ tăng (%)			22%	20%	7%	3%	9%	8%
2	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)		71%	73%	75%	75%	77%	80%	85%
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>18,134,044</b>	<b>3,120,139</b>	<b>3,442,474</b>	<b>3,781,292</b>	<b>4,008,064</b>	<b>3,782,075</b>	<b>17,053,000</b>	<b>12,313,781</b>
1	Tốc độ tăng (%)			10%	10%	6%	-6%	0.0%	-9%
2	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)		29%	27%	25%	25%	23%	20%	15%
3	Thu bổ sung cân đối		1,778,157	2,044,557	2,044,557	2,085,557	2,127,557	10,637,785	3,126,745
4	Thu bổ sung có mục tiêu		1,341,982	1,397,917	1,736,735	1,922,507	1,654,518	6,415,180	9,187,036
<b>D</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>86,676,060</b>	<b>13,231,498</b>	<b>15,137,532</b>	<b>16,996,903</b>	<b>19,519,774</b>	<b>21,790,353</b>	<b>90,008,000</b>	<b>86,707,076</b>
1	Tốc độ tăng chi NSDP (%)			14%	12%	15%	12%	6.0%	-0.2%
2	Tỷ lệ chi NSDP so với GRDP (%)		18%	18%	17%	18%	18%	12%	10%
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>25,858,798</b>	<b>4,050,584</b>	<b>4,907,322</b>	<b>5,453,782</b>	<b>5,341,416</b>	<b>6,105,694</b>	<b>24,999,000</b>	<b>31,340,989</b>
1	Tốc độ tăng (%)			21%	11%	-2%	14%	5%	4%
2	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)		31%	32%	32%	27%	28%	28%	36%
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>40,612,194</b>	<b>6,996,676</b>	<b>7,830,072</b>	<b>8,047,087</b>	<b>8,671,776</b>	<b>9,066,583</b>	<b>45,489,000</b>	<b>47,003,481</b>
1	Tốc độ tăng (%)			12%	3%	8%	5%	3%	1%
2	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)		53%	52%	47%	44%	42%	51%	55%
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ gốc, lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>856,938</b>		<b>633,000</b>	<b>207,181</b>	<b>8,739</b>	<b>8,018</b>	<b>149,000</b>	<b>326,662</b>
1	Tốc độ tăng (%)				-67.3%	-95.8%	-8.3%	-4%	87%
2	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)				1.22%	0.04%	0.04%	0.17%	0.37%
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển nguồn, tạo nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>19,343,132</b>	<b>2,183,238</b>	<b>1,766,138</b>	<b>3,287,854</b>	<b>5,496,843</b>	<b>6,609,059</b>	<b>10,532,000</b>	<b>6,244,110</b>

<b>V</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>5,000</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>5,000</b>	<b>5,000</b>
<b>VI</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>							<b>2,436,000</b>	<b>1,786,834</b>
<b>E</b>	<b>BỘI CHI NSDP</b>			<b>24,751</b>	<b>17,781</b>	<b>41,785</b>	<b>150,019</b>	<b>1,778,000</b>	<b>1,060,435</b>
<b>G</b>	<b>TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP</b>							<b>-</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP</b>	<b>10,689,350</b>	<b>1,554,418</b>	<b>1,900,783</b>	<b>2,275,084</b>	<b>2,437,173</b>	<b>2,521,892</b>	<b>21,277,000</b>	<b>21,999,858</b>
<b>II</b>	<b>Mức dư nợ đầu kỳ (năm)</b>	<b>1,964,696</b>	<b>479,000</b>	<b>856,774</b>	<b>338,525</b>	<b>151,306</b>	<b>139,091</b>	<b>5,023,000</b>	<b>3,845,468</b>
1	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)</i>		31%	45%	15%	6%	6%	45%	17%
2	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với GRDP (%)</i>		1%	1%	0%	0%	0%	1%	0%
<b>III</b>	<b>Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)</b>	<b>1,069,000</b>	<b>141,000</b>	<b>633,000</b>	<b>205,000</b>	<b>54,000</b>	<b>36,000</b>	<b>112,000</b>	<b>243,317</b>
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc								
2	Từ nguồn bội thu NSDP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh	1,069,000	141,000	633,000	205,000	54,000	36,000	112,000	243,317
<b>IV</b>	<b>Tổng mức vay trong kỳ (năm)</b>	<b>843,110</b>	<b>518,774</b>	<b>114,751</b>	<b>17,781</b>	<b>41,785</b>	<b>150,019</b>	<b>1,778,000</b>	<b>1,060,435</b>
1	Vay để bù đắp bội chi	843,110	518,774	114,751	17,781	41,785	150,019	1,778,000	1,060,435
2	Vay để trả nợ gốc								
<b>V</b>	<b>Mức dư nợ cuối kỳ (năm)</b>	<b>1,738,806</b>	<b>856,774</b>	<b>338,525</b>	<b>151,306</b>	<b>139,091</b>	<b>253,110</b>	<b>6,689,000</b>	<b>4,662,586</b>
1	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)</i>	16%	55%	18%	7%	6%	10%	31%	21%
2	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với GRDP (%)</i>	0.4%	1.1%	0.4%	0.2%	0.1%	0.2%	0.9%	0.6%

**Phụ lục II**  
**KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ CỦA CÁC DỰ ÁN VAY LẠI NGUỒN VỐN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**  
**GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Nghị Quyết số: 187/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Nhà Tài trợ	Dự nợ cuối kì năm 2020	Ước thực hiện cả năm 2021				Dự kiến năm 2022				Dự kiến năm 2023				Dự kiến năm 2024				Dự kiến năm 2025			
				Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi (phi) trong năm	Dự nợ cuối năm	Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi (phi) trong năm	Dự nợ cuối năm	Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi (phi) trong năm	Dự nợ cuối năm	Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi (phi) trong năm	Dự nợ cuối năm	Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi (phi) trong năm	Dự nợ cuối năm
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	14	15	16	17
1	Các dự án đang thực hiện (bao gồm cả các dự án đã rút vốn, đang trả nợ)		253,110	287,225	16,976	15,376	523,359	359,699	26,231	12,144	856,827	286,688	50,514	17,401	1,093,001	74,798	19,478	1,018,203	74,798	18,946	943,405		
1	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	WB	11,322	3,223	866	734	13,679	2,944	1,155	309	15,468		1,155	286	14,313		1,155	263	13,158		1,155	240	12,003
2	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Thái Nguyên	WB	18,528	5,100	1,542	963	22,086	6,663	2,056	534	26,693		2,056	493	24,637		2,056	452	22,581		2,056	410	20,525
3	Dự án Tăng cường cơ sở dữ liệu đất đai	WB	23,237	8,402	1,349	1,260	30,290	14,656	2,698	951	42,248		2,698	890	39,550		2,698	829	36,852		2,698	768	34,154
4	Chương trình đô thị miền núi Phía Bắc - TPTN	WB	92,695	50,000	13,219	2,620	129,476	55,436	20,322	3,292	164,590		20,322	2,885	144,267		20,322	2,479	123,945		20,322	2,072	103,623
5	Dự án Phát triển tổng hợp đô thị đồng lục - TPTN	WB	107,329	220,500		9,800	327,829	280,000		7,058	607,829	286,688	24,283	12,847	870,234		48,567	15,455	821,667		48,567	15,455	773,100

II	Các dự án đề xuất mới và dự kiến ngân trong thời gian tới			500			500	6.323			6.823	10.000			16.823	60.000			76.823	50.000			126.823
1	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên	JICA		500			500	6.323			6.823	10.000			16.823	60.000			76.823	50.000			126.823
Tổng cộng			253,110	287,725	16,976	15,376	523,859	366,022	26,231	12,144	863,650	296,688	50,514	17,401	1,109,824	60,000	74,798	19,478	1,095,026	50,000	74,798	18,946	1,070,228

**Ghi chú:** - Số liệu dự kiến rút vốn các năm 2021, 2022, 2023, 2024,2025 quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 7 năm 2021 do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính 1 USD = 23.141 VND.

- Các dự án đang thực hiện là các dự án đã/đang rút vốn và/hoặc đang trả nợ gốc/lãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 189/NQ-HĐND

*Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019 - 2021**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Chương trình giám sát năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét Tờ trình số 170/TTr-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019 - 2021.

*(Có danh sách thành viên Đoàn giám sát kèm theo)*

**Điều 2.** Nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát

1. Nội dung, phạm vi giám sát: Giám sát công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019 - 2021 (*từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2021*).

2. Đối tượng giám sát: Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao ông Đỗ Đức Công, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng Đoàn giám sát; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Đoàn giám sát.

2. Giao bà Mai Thị Thúy Nga, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh làm Phó Trưởng Đoàn.

3. Giao ông Lê Văn Tâm, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh làm Phó Trưởng đoàn.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Đoàn giám sát xây dựng kế hoạch giám sát và tổ chức triển khai thực hiện.

5. Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát tại Phiên họp tháng 10 năm 2022; trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2022.

6. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Đoàn giám sát, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN GIÁM SÁT**

*(Kèm theo Nghị quyết số 189/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**I. THÀNH VIÊN ĐOÀN GIÁM SÁT**

1. Ông Đỗ Đức Công, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn giám sát;
2. Bà Mai Thị Thúy Nga, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Trưởng đoàn;
3. Ông Lê Văn Tâm, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Trưởng đoàn;
4. Ông Ân Văn Thanh, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
5. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
6. Ông Trần Văn Khương, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
7. Bà Lê Thị Thu An, Phó Trưởng ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
8. Bà Phó Thị Thủy, Phó Trưởng ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
9. Bà Đoàn Bách Thảo, Phó Trưởng ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
10. Ông Hoàng Trần Nam, Phó Trưởng ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
11. Tổ Trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh đơn vị các huyện, thành phố, thị xã nơi Đoàn đến giám sát.

**II. ĐẠI BIỂU MỜI THAM GIA ĐOÀN GIÁM SÁT**

1. Đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
2. Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
3. Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã nơi Đoàn đến giám sát.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 190/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2021

### **NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết và giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2026”**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Xét Tờ trình số 171/TTr-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết và giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2026”; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết và giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2026”.

*(Có Đề án kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH****Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

**“Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết và giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2026”**

*(Kèm theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

## **PHẦN I**

### **SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT**

Trong những năm qua, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên luôn có sự đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, góp phần vào sự phát triển toàn diện của tỉnh trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng an ninh. Các nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đã kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của cử tri và được Nhân dân đồng tình ủng hộ. Công tác giám sát được quan tâm, triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua giám sát đã đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý nhà nước, đồng thời kiến nghị các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, hạn chế và những bất cập về cơ chế, chính sách, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, trong thời gian qua việc ban hành nghị quyết và giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như: Một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành còn chưa sát với tình hình thực tiễn của địa phương; công tác giám sát có lúc chưa kịp thời, việc đề xuất, kiến nghị khắc phục đối với những tồn tại, bất cập trong thực hiện cơ chế, chính sách còn chậm, chưa hiệu quả. Những tồn tại, hạn chế nêu trên đòi hỏi phải có những giải pháp khắc phục, nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh. Vì vậy, việc xây dựng Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết và giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2026” là hết sức cần thiết, nhằm mục đích xây dựng Hội đồng nhân dân tỉnh thực sự là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện

cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

## **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **1. Căn cứ pháp lý**

- Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;
- Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;
- Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015;
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Nghị quyết số 629/2019/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;
- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

### **2. Căn cứ thực tiễn**

**2.1. Thực trạng tổ chức bộ máy:** Chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo.

**2.2. Thực trạng công tác ban hành nghị quyết về cơ chế, chính sách nhiệm kỳ 2016 - 2021**

#### ***2.2.1. Kết quả công tác ban hành nghị quyết***

##### ***2.2.1.1. Về số lượng nghị quyết***

Nhiệm kỳ 2016 - 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 294 nghị quyết, trong đó có 86 nghị quyết cụ thể hóa quy định của cơ quan nhà nước cấp trên và quy định các cơ chế, chính sách mang tính đột phá của tỉnh. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng để các cấp, các ngành, các địa phương triển khai, tổ chức thực hiện, góp phần phát huy tiềm năng, thế mạnh và các nguồn lực

đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

### ***2.2.1.2. Về quy trình, thủ tục xây dựng và ban hành nghị quyết***

Quy trình, thủ tục xây dựng và ban hành nghị quyết về cơ chế, chính sách cơ bản được thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trên cơ sở đề nghị xây dựng nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền, kết quả thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết.

Căn cứ phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, thu thập thông tin phục vụ công tác thẩm tra. Tổ chức thẩm tra và phối hợp với các cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết chỉnh sửa nội dung đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng thời gian quy định. Báo cáo thẩm tra của Ban là một trong những căn cứ quan trọng để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, xem xét, thảo luận và quyết nghị tại kỳ họp.

Công tác điều hành của Chủ tọa kỳ họp tại các phiên họp khoa học, linh hoạt, phát huy tinh thần trách nhiệm và trí tuệ của đại biểu. Chủ tọa kỳ họp điều hành thảo luận theo từng nhóm lĩnh vực, yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan báo cáo tiếp thu, giải trình, làm rõ các nội dung đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm. Đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, Chủ tọa kỳ họp gợi ý, định hướng nội dung để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trao đổi, thảo luận trước khi đi đến thống nhất. Vì vậy, việc thông qua nghị quyết tại kỳ họp đảm bảo dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, góp phần nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết.

### ***2.2.2. Hiệu quả của các nghị quyết***

Với 86 nghị quyết về cơ chế, chính sách được ban hành trong nhiệm kỳ 2016 - 2021, có thể khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của Hội đồng nhân dân tỉnh trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các nghị quyết sau khi ban hành đã được các cấp, các ngành, các địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả với mục tiêu vừa phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật, tăng giá trị sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ vừa phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, cải thiện đời sống Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội.

Kết quả, tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân đạt 11,1%/năm; giá trị sản xuất

công nghiệp tăng bình quân 16,3%/năm; giá trị xuất khẩu tăng bình quân 13,5%/năm (năm 2020 đạt 26,7 tỷ USD); thu ngân sách nhà nước tăng bình quân 16,3% (năm 2020 đạt 15.555 tỷ đồng); GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 90 triệu đồng/người/năm. Nhiều cơ chế, chính sách có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, hướng về cơ sở được Nhân dân đồng tình, ủng hộ và mang lại hiệu quả thiết thực. Triển khai thực hiện các nghị quyết về chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư, tính đến tháng 12/2020, trên địa bàn tỉnh có 166 dự án FDI với tổng số vốn đầu tư đăng ký hơn 8,5 tỷ USD, vốn đầu tư thực hiện hơn 8,2 tỷ USD. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 đạt 238 nghìn tỷ đồng. Những chính sách này đã tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh và bứt phá ở khu vực công nghiệp (quy mô giá trị sản xuất công nghiệp đứng thứ tư cả nước); cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ; thu nhập bình quân đầu người cao hơn mức bình quân chung của cả nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh từ 13,4% năm 2016 xuống còn 3,1% vào năm 2020.

Các nghị quyết về hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ thực hiện dồn điền đổi thửa, hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP và chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học - công nghệ vào phát triển nông nghiệp an toàn theo hướng hữu cơ đã góp phần đổi mới diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Đến nay đã có 103/143 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 72%), 03/9 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Các nghị quyết có ảnh hưởng quyết định đến việc đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật; mở rộng và phát triển không gian đô thị; phát triển khu, cụm công nghiệp; quy định chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư đã mang lại hiệu quả thiết thực, làm cơ sở để thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế; quyết định chính sách đảm bảo an sinh xã hội, tạo tiền đề phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong tương lai, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025.

Các nghị quyết về cơ chế hỗ trợ các đối tượng chính sách xã hội được quan tâm. Nhất là các nghị quyết về chương trình, chính sách dân tộc đã tác động có hiệu quả đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, 100% các xã đã có đường ô tô đến trung tâm xã; 99,67% hộ dân vùng núi có điện lưới sinh hoạt; 100% số xã vùng dân tộc thiểu số có trạm y tế, trong đó 90% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Nghị quyết về việc hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo thiếu hụt dịch vụ xã hội góp phần nâng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế năm 2020 đạt 98,5%. Các chính sách đầu tư, ưu tiên phát triển giáo dục mầm non, chính sách đối với trẻ em mầm non,

giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục tại các Khu công nghiệp; việc hỗ trợ kinh phí thuê khoán làm nhiệm vụ giảng dạy và nấu ăn tại các trường mầm non, phổ thông công lập đã góp phần tháo gỡ tình trạng thiếu biên chế của ngành giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo hiện nay.

Để góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các chính sách quy định về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, đơn vị; chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, xóm, tổ dân phố đôi dư trên địa bàn tỉnh,...qua đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của hệ thống chính trị, vừa tinh gọn bộ máy, giảm chi phí hành chính để tạo điều kiện tập trung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

### **2.3. Thực trạng công tác giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách nhiệm kỳ 2016 - 2021**

#### **2.3.1. Kết quả công tác giám sát**

##### **2.3.1.1. Giám sát trực tiếp tại kỳ họp**

- *Giám sát thông qua việc xem xét các nội dung trình tại kỳ họp:* Nhiệm kỳ 2016 - 2021, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã xem xét, thảo luận đối với trên 800 báo cáo, đề án, tờ trình và dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan trình tại kỳ họp.

Trên cơ sở quy định của pháp luật, báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và tình hình thực tiễn của địa phương, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã tích cực tham gia thảo luận với 815 lượt ý kiến thảo luận tại tổ, 235 lượt ý kiến đề nghị giải trình, làm rõ tại hội trường. Nội dung thảo luận tập trung vào nhóm giải pháp về phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, thu chi ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản, phát triển nông nghiệp, việc thực hiện chính sách phát triển văn hóa, thể thao, an sinh xã hội, đảm bảo an ninh trật tự,...do vậy, nhiều vấn đề quan trọng về phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng chính quyền địa phương, an sinh xã hội đã được Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận kỹ lưỡng trước khi quyết định, đảm bảo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- *Giám sát thông qua hoạt động chất vấn tại kỳ họp*: Đây là hoạt động giám sát trực tiếp, cơ bản, phổ biến và quan trọng nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan. Nhiệm kỳ 2016 - 2021, có 52 lượt đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chất vấn trực tiếp tại hội trường về 59 nội dung đối với thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan. Nội dung chất vấn là những vấn đề còn vướng mắc, hạn chế và trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong công tác quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương. Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã phát huy tinh thần trách nhiệm, tìm hiểu kỹ thông tin, đảm bảo nội dung chất vấn mang tính xây dựng và đúng quy định của pháp luật. Các vấn đề chất vấn đều được thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan trả lời trực tiếp tại kỳ họp hoặc trả lời bằng văn bản, trong đó xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên đôn đốc, giám sát việc thực hiện “lời hứa” liên quan đến nội dung trả lời chất vấn. Do vậy, nhiều vấn đề đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả. Trong tổng số 59 nội dung chất vấn tại kỳ họp, có 25 nội dung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan trả lời, giải trình kết quả thực hiện trực tiếp tại kỳ họp; 28 nội dung đã thực hiện xong; 06 nội dung đang được tiếp tục triển khai thực hiện.

### **2.3.1.2. Giám sát giữa hai kỳ họp**

- *Giám sát thường xuyên*: Nhiệm kỳ 2016 - 2021, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã thực hiện tốt công tác giám sát thường xuyên đối với việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Xem xét báo cáo công tác thường kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua giám sát thường xuyên đã chỉ ra nhiều nội dung cần quan tâm, xem xét, đồng thời tham gia góp ý xây dựng và đề xuất các nội dung để cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ được giao.

- *Giám sát chuyên đề*:

+ *Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh*: Trong nhiệm kỳ 2016 - 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức giám sát chuyên đề về tình hình và kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011 - 2017; giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 15, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XII, Kỳ họp thứ 2, Kỳ họp thứ 3 Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIII.

+ *Giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh*: Trong nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức 10 cuộc giám sát về tình hình

thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể như: Tình hình triển khai thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; công tác quản lý nhà nước về đất đai; kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; công tác quản lý nhà nước về phí và lệ phí,...Thực hiện giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định. Tỷ lệ ý kiến, kiến nghị của cử tri được giải quyết xong ngày càng được nâng lên, cơ bản đáp ứng nguyện vọng của cử tri.

+ Giám sát chuyên đề của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh: Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức 27 cuộc giám sát chuyên đề và 91 cuộc khảo sát trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, kinh tế - xã hội của tỉnh. Cụ thể là giám sát việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới; đất đai, tài nguyên môi trường; công tác quản lý về tài sản công; thu, chi ngân sách nhà nước; công tác đào tạo nghề; công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo, các loại hợp đồng lao động tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; việc thu và quản lý sử dụng các khoản thu trong trường học; công tác cải cách hành chính; công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; công tác xử lý vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực; việc thực hiện pháp luật trong công tác kiểm sát, xét xử, thi hành án dân sự, hành chính; việc triển khai thực hiện chương trình bố trí dân cư các vùng thường xảy ra thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn; chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú,...

+ Giám sát chuyên đề của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đơn vị thành phố Thái Nguyên tổ chức giám sát về việc chấp hành pháp luật trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

- *Giám sát thông qua hoạt động chất vấn, giải trình tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:*

Trong nhiệm kỳ 2016 - 2021, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức 04 phiên chất vấn, giải trình đối với việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh về thu hút đầu tư và một số dự án đầu tư chậm tiến độ, sử dụng đất chưa đúng quy định; hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã dịch vụ điện; công tác quản lý nhà nước về 3 loại rừng; công tác cải cách hành chính; kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc

tỉnh; việc thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; công tác đào tạo nghề, bảo đảm an toàn thực phẩm. Tại các phiên chất vấn, giải trình đã có 61 lượt đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện 82 nội dung chất vấn đối với các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan. Người được chất vấn đã trả lời, giải trình, làm rõ những vấn đề được đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, dư luận và cử tri quan tâm. Kết quả, 67/82 ý kiến chất vấn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chức năng giải quyết xong (đạt tỷ lệ 80%).

### ***2.3.2. Hiệu quả hoạt động giám sát***

Có thể khẳng định, Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã rất quan tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát. Quy trình giám sát được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định của pháp luật; hình thức giám sát đa dạng, đổi mới; chất lượng, hiệu quả giám sát được nâng lên. Công tác chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã được thực hiện nghiêm túc, khách quan, dân chủ, thể hiện tinh thần trách nhiệm trước cử tri và Nhân dân. Sau giám sát, chất vấn, nhiều khó khăn, hạn chế đã được khắc phục, nhiều kiến nghị đã được triển khai thực hiện; hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên một số ngành, lĩnh vực được nâng lên; một số hạn chế còn tồn tại kéo dài đã được giải quyết dứt điểm. Kết quả, tỉnh đã huy động các nguồn lực để đầu tư thực hiện dự án cấp điện cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, 76 xóm, bản đã được đầu tư hạ tầng điện lưới quốc gia, trong đó có 35 xóm, bản ở 02 huyện hoàn toàn chưa có điện lưới quốc gia; đầu tư xây dựng xóa 33 phòng, lớp học tạm, dột nát tại các trường, điểm trường ở miền núi, vùng sâu, vùng xa; đầu tư nâng cấp nhiều tuyến đường giao thông, đặc biệt là đường giao thông nông thôn ở các địa phương; kiểm tra, xử lý một số cơ sở gây ô nhiễm môi trường; thành lập Đoàn kiểm tra, rà soát các dự án đầu tư chậm triển khai thực hiện để xử lý theo quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng điện của các Hợp tác xã dịch vụ điện; ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý để thực hiện công tác giảng dạy và làm nhiệm vụ nấu ăn; triển khai việc sắp xếp tổ chức, bộ máy của các đơn vị sự nghiệp; ban hành quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri. Những kết quả đạt được trong công tác giám sát đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, khẳng định vị thế, uy tín của Hội đồng nhân dân tỉnh trong hệ thống chính quyền, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của tỉnh.

## **2.4. Những hạn chế và nguyên nhân**

### **2.4.1. Hạn chế**

- Một số đại biểu chưa dành đủ thời gian theo quy định để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân (*Theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân*); một số đại biểu chưa tích cực nghiên cứu tài liệu của kỳ họp, tham gia hoạt động chất vấn, thảo luận xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Việc lập và trình đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật chưa được quan tâm đúng mức, có lúc còn chậm.

- Mặc dù chất lượng thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh từng bước được nâng lên nhưng còn một số ít nội dung qua thẩm tra chưa phát hiện những bất cập, vướng mắc để kiến nghị với Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận và quyết định điều chỉnh nội dung dự thảo nghị quyết tại kỳ họp.

- Việc tổ chức lấy ý kiến chuyên gia, những người am hiểu chuyên môn về nội dung dự thảo nghị quyết đã được thực hiện nhưng còn ít; việc tham vấn ý kiến Nhân dân đối với các dự thảo nghị quyết chưa được thực hiện.

- Còn có dự thảo nghị quyết chưa được chuẩn bị kỹ lưỡng, có nghị quyết đã được ban hành nhưng chưa bố trí được nguồn lực để triển khai thực hiện nên hiệu quả chưa cao hoặc phải sớm phải sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ.

- Hoạt động giám sát chuyên đề chủ yếu do Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện; giám sát của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh còn hạn chế, trong nhiệm kỳ chỉ có 01 cuộc giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn đã được quan tâm nhưng số lượng đại biểu tham gia chất vấn ít; một số nội dung chất vấn chất lượng chưa cao, còn mang tính chất kiến nghị, đề nghị. Việc trả lời chất vấn có nội dung chưa đi thẳng vào vấn đề cần giải quyết, thiếu giải pháp và thời hạn khắc phục. Sự phối hợp để giải quyết những vấn đề liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành chưa chặt chẽ.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh đã có chuyển biến tích cực, tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

### **2.4.2. Nguyên nhân**

#### **2.4.2.1. Nguyên nhân chủ quan**

- Năng lực, trình độ của đại biểu chưa đồng đều. Kỹ năng hoạt động dân cử của một số đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm còn hạn chế. Việc tổ chức tập huấn cho đại biểu chưa thường xuyên, mới chỉ được thực hiện ở đầu nhiệm kỳ.

- Hoạt động thẩm tra, giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh phụ thuộc nhiều vào đại biểu hoạt động chuyên trách, một số Ủy viên của Ban hoạt động

kiêm nhiệm chưa dành nhiều thời gian để nghiên cứu và tham gia các hoạt động thẩm tra, giám sát.

- Nhiều Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chưa dành thời gian thỏa đáng để tổ chức các hoạt động giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

- Bộ máy tham mưu, giúp việc của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa được chuyên môn hóa cao theo chức năng nhiệm vụ; trình độ chuyên môn và chất lượng tham mưu, tổng hợp của đội ngũ công chức chưa đồng đều, còn hạn chế.

#### **2.4.2.2. Nguyên nhân khách quan**

- Các quy định về chế tài xử lý đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau giám sát của Hội đồng nhân dân chưa rõ ràng nên hiệu lực, hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân chưa cao.

- Luật đã có quy định về thẩm quyền và trách nhiệm giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng chưa có quy định về trình tự, thủ tục tiến hành hoạt động giám sát.

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc đối tượng giám sát chưa nhận thức đúng, đầy đủ về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân và hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân.

- Việc mời chuyên gia, người có kinh nghiệm tham gia vào hoạt động thẩm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân gặp khó khăn.

- Số lượng nghị quyết ban hành tại mỗi kỳ họp nhiều, thời gian gửi hồ sơ một số dự thảo nghị quyết để các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra chưa đảm bảo làm ảnh hưởng đến chất lượng thẩm tra. Một số dự thảo nghị quyết chất lượng soạn thảo chưa cao, chưa đảm bảo về trình tự, nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định.

- Một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chưa kịp thời tham mưu thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là các nghị quyết có quy định chính sách.

- Điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh tuy đã được quan tâm nhưng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu. Bộ máy tham mưu giúp việc Hội đồng nhân dân tỉnh chưa thực sự ổn định, trong nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã 2 lần thay đổi về tổ chức, bộ máy.

## PHẦN II

### MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh. Nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết và giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, xây dựng tỉnh Thái Nguyên ngày càng phát triển.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

- 100% nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và có tính khả thi;

- 100% các cuộc giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và kế hoạch đã ban hành.

- 100% đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động dân cử;

- Trong nhiệm kỳ, phân đầu có ít nhất 30% đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chất vấn tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc phiên chất vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; 100% đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia phát biểu ý kiến tại các phiên thảo luận; 60% đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia các cuộc giám sát chuyên đề;

- Trong nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức ít nhất 02 cuộc giám sát chuyên đề;

- Hằng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức ít nhất 02 cuộc giám sát chuyên đề, tổ chức từ 01 đến 02 phiên giải trình hoặc phiên chất vấn;

- Hằng năm, mỗi Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phân đầu thực hiện 02 cuộc giám sát chuyên đề; thực hiện từ 05 cuộc khảo sát trở lên;

- Trong nhiệm kỳ, có từ 30% trở lên số Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát chuyên đề;

- 100% các kết luận, kiến nghị sau giám sát được theo dõi, đôn đốc thực hiện thường xuyên;

- 100% đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ.

## **II. GIẢI PHÁP**

### **1. Giải pháp chung**

#### **1.1. Giải pháp tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng**

- Tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; định hướng kịp thời đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, nhất là việc ban hành nghị quyết để cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Lãnh đạo, chỉ đạo Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức triển khai có hiệu quả chủ trương, nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Quan tâm tăng số lượng, cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Thường xuyên chỉ đạo, lãnh đạo về nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, nhất là những vấn đề quan trọng, có tác động trực tiếp, lâu dài đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh; tăng cường chỉ đạo hoạt động phối hợp công tác giữa Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Xem xét, quy định bổ sung thành phần là lãnh đạo chuyên trách các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh được tham dự các phiên họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khi bàn về nội dung dự kiến trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh để chủ động tiếp thu, xây dựng kế hoạch thẩm tra các báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật, đặc biệt là đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết và giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng về công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, luân chuyển đội ngũ cán bộ là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nhất là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách và cán bộ làm công tác tham mưu, tổng hợp, giúp việc của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tham gia giới thiệu, hiệp thương lựa chọn người ứng cử để bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo hướng giảm đại biểu công tác tại các cơ quan hành chính nhà nước nhưng đảm bảo số lượng đại biểu trong các ngành, lĩnh vực quan trọng. Thực hiện quy hoạch từ sớm, từ xa đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nói chung và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách nói riêng; tăng số lượng công chức thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **1.2. Giải pháp về nâng cao chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

- Trong quá trình giới thiệu, hiệp thương, lựa chọn người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, ngoài yêu cầu đảm bảo cơ cấu, xác định rõ tiêu chuẩn người ứng cử, cần quan tâm đến công tác quy hoạch đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách.

- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tích cực phát huy vai trò, trách nhiệm, thường xuyên tự nghiên cứu, học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, tăng cường trao đổi kinh nghiệm để nâng cao năng lực, kỹ năng trong công tác dân cử.

- Định kỳ hằng năm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nhất là những đại biểu mới tham gia khóa đầu về các kỹ năng cơ bản trong hoạt động dân cử như: Kỹ năng giám sát, kỹ năng thẩm tra, kỹ năng chất vấn, kỹ năng tiếp xúc cử tri, tiếp công dân; ứng dụng công nghệ thông tin; tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật,...

- Thường xuyên cung cấp, trao đổi thông tin về chính sách pháp luật, về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương để phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng; xây dựng phong trào thi đua chuyên đề để kịp thời động viên các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định.

## **1.3. Giải pháp tăng cường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**

- *Về hạ tầng công nghệ thông tin:* Ưu tiên đầu tư nâng cấp, bổ sung hệ thống máy chủ, máy tính cá nhân, hệ thống đường truyền, các thiết bị đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, các thiết bị phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- *Về xây dựng, phát triển ứng dụng công nghệ số:*

+ Rà soát quy trình nghiệp vụ đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ứng dụng trên môi trường số.

+ Xây dựng, triển khai nền tảng ứng dụng công nghệ số sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, kho dữ liệu lớn để quản lý giám sát, thu thập, phân tích và xử lý thông tin phục vụ thực hiện chức năng quyết định, giám sát và các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời cho phép kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu.

+ Hoàn thiện các nền tảng ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành như: Quản lý văn bản điện tử, hỗ trợ làm việc từ xa, phòng họp không giấy tờ, hệ thống định danh và xác thực điện tử phục vụ người dùng truy cập, sử dụng các sản phẩm số, dịch vụ số của tỉnh,... để triển khai dùng chung trong các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Phát triển ứng dụng cho phép cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng và những tiện ích để người dân tham gia tương tác trực tuyến, giám sát hoạt động xây dựng, ban hành và thực hiện chính sách, đồng thời giúp cơ quan dân cử có thể lắng nghe, tiếp thu ý kiến tổ chức và Nhân dân trong quá trình triển khai thực thi chính sách, pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- *Về thông tin tuyên truyền:* Đẩy mạnh việc đa dạng hóa hình thức thông tin tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử, các mạng xã hội. Tiếp tục tăng cường phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương và địa phương trong các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, chú trọng việc xây dựng các chuyên mục, chuyên trang.

#### **1.4. Giải pháp về tăng cường sự tham gia của các chuyên gia, người có kinh nghiệm, Nhân dân**

- Nghiên cứu thực hiện hình thức tham vấn ý kiến của chuyên gia, Nhân dân đối với những nội dung tác động, ảnh hưởng lớn đến chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc những nội dung chuyên ngành cần có những thông tin, dữ liệu thực tế chuyên sâu.

- Khi cần thiết, mời các chuyên gia, người có kinh nghiệm tham dự các hội nghị thẩm tra, các chương trình khảo sát, giám sát hoặc tham vấn ý kiến bằng văn bản. Xây dựng chuyên mục xin ý kiến tham vấn trên hệ thống trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm tiếp nhận phản hồi trực tiếp, công khai và có sự phản biện hai chiều giữa cơ quan xin ý kiến và chuyên gia, người có kinh nghiệm và Nhân dân. Tăng cường khai thác thông tin từ các báo cáo kết quả giám sát, kết luận thanh tra, kiểm tra, kết luận kiểm toán của các cơ quan nhà nước.

#### **1.5. Giải pháp nâng cao chất lượng tham mưu, giúp việc của cơ quan Văn phòng**

- Tiếp tục xây dựng bộ máy tham mưu, giúp việc đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, năng lực hoạt động thực tiễn để tham mưu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh. Xây dựng chức danh, tiêu chuẩn, tiêu chí cán bộ trong tuyển dụng gắn với cơ chế khuyến khích để tuyển dụng công chức có kinh nghiệm, năng lực và trình độ vào bộ máy tham mưu, giúp việc, đồng thời, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức.

- Nghiên cứu, xây dựng, ban hành quy trình giải quyết công việc nội bộ theo tiêu chuẩn ISO nhằm nâng cao chất lượng công tác tham mưu, phục vụ.

- Thực hiện có hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở; định kỳ hằng năm có thể tổ chức để công chức, nhân viên cơ quan Văn phòng đi trao đổi kinh nghiệm ở các tỉnh bạn về công tác tham mưu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **1.6. Giải pháp bảo đảm các điều kiện phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh**

- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan trong việc tham mưu, phục vụ thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Bảo đảm kinh phí và các điều kiện cần thiết phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và phù hợp với thực tế. Ưu tiên đầu tư trang thiết bị điện tử hiện đại (*máy tính bảng, máy tính xách tay, máy ảnh,...*) để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cán bộ, công chức Văn phòng thực hiện nhiệm vụ.

## **2. Giải pháp cụ thể**

### **2.1. Giải pháp nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết về cơ chế, chính sách**

#### ***2.1.1. Giải pháp nâng cao chất lượng thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh***

- Công tác thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo đúng quy trình thẩm tra quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động nắm bắt thông tin, tham gia góp ý kiến ngay từ khâu xây dựng dự thảo nghị quyết; xây dựng kế hoạch thẩm tra và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban theo từng nội dung cụ thể; chủ động nghiên cứu xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát thực tế để nắm tình hình, thu thập thông tin phục vụ công tác thẩm tra.

- Tăng cường tổ chức tham vấn ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực cần thẩm tra, ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên hoặc tham vấn ý kiến Nhân dân nhằm đảm bảo tính khách quan, khoa học và phù hợp.

- Tổ chức hội nghị thẩm tra với thành phần đại biểu đảm bảo tính đại diện, tính toàn diện và các thành phần đại biểu khác có liên quan đến nội dung thẩm tra nhằm phát huy trí tuệ tập thể. Nâng cao chất lượng công tác tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông tin thu thập từ quá trình khảo sát, giám sát, tiếp xúc cử tri và các nguồn thông tin khác có liên quan đến nội dung nghị quyết. Trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu cơ quan trình dự thảo nghị quyết cung cấp video, hình ảnh minh họa,... làm căn cứ để đại biểu xem xét, thảo luận.

- Tích cực phát huy vai trò của thành viên các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh trong công tác thẩm tra. Thường xuyên liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng

nghe ý kiến, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân để đưa ra những đề xuất, kiến nghị thiết thực, sát với tình hình thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, từng bước góp phần nâng cao chất lượng báo cáo thẩm tra trình kỳ họp.

- Báo cáo thẩm tra phải đảm bảo chất lượng, thể hiện tính phản biện, chính kiến của Ban về căn cứ pháp lý, tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật, đồng thời đảm bảo sự phù hợp với thực tiễn địa phương và tính khả thi khi triển khai thực hiện; thể hiện rõ quan điểm đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, phương hướng xử lý đề báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trước khi trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### ***2.1.2. Giải pháp đổi mới công tác điều hành của Chủ tọa kỳ họp***

- Công tác điều hành của Chủ tọa kỳ họp cần tiếp tục đổi mới theo hướng phân công điều hành theo từng phiên họp, thực hiện chuyển đổi số, giảm thời gian trình bày tờ trình, tăng thời gian trình bày các báo cáo quan trọng được cử tri quan tâm, tăng thời gian thảo luận tại Tổ và thảo luận tại hội trường.

- Trong điều hành các phiên họp, Chủ tọa kỳ họp chủ động, linh hoạt, khoa học từ khâu dự kiến nội dung, thời gian, chương trình kỳ họp đến lựa chọn các nội dung cần đưa ra giải trình, làm rõ và gợi mở, định hướng những vấn đề trọng tâm cần thảo luận. Đồng thời, có thể đề nghị đại biểu đưa ra các thông tin, số liệu cụ thể minh chứng cho lập luận của mình nhằm phát huy tinh thần dân chủ, tạo không khí sôi nổi và sự đồng thuận; đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau có thể xin ý kiến đại biểu bằng phiếu để tham khảo trước khi biểu quyết.

- Thành lập Tổ thư ký kỳ họp để tham mưu, giúp việc Chủ tọa kỳ họp trong việc ghi biên bản kỳ họp; chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết theo đúng quy định trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị,...

### ***2.1.3. Giải pháp nâng cao chất lượng nội dung nghị quyết***

- Thực hiện tốt Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành nghị quyết, chú trọng tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng liên quan, thẩm định của Sở Tư pháp và thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Bám sát các chủ trương, định hướng của Đảng, các quy định của pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của vùng và của tỉnh để xây dựng và ban hành nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn và hằng năm đảm bảo chất lượng, có tính khả thi.

- Tổ chức tham vấn ý kiến Nhân dân hoặc ý kiến của đối tượng chịu sự điều chỉnh của nghị quyết, tham vấn ý kiến của các chuyên gia có kiến thức chuyên sâu phù hợp với nội dung dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện quy trình xây dựng dự thảo nghị quyết đảm bảo phương châm chuẩn bị từ sớm, từ xa; chủ động

tham dự các hội nghị, hội thảo do các ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức để nắm bắt thông tin, tham gia góp ý kiến ngay từ khâu soạn thảo, xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết.

- Nghiên cứu và xác định rõ phạm vi, đối tượng chịu sự điều chỉnh của nghị quyết sẽ được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành để đảm bảo nội dung nghị quyết có tính hợp hiến, hợp pháp và phù hợp với thực tiễn.

- Các biện pháp tổ chức thực hiện nghị quyết phải phù hợp với nhận thức của đối tượng chịu sự điều chỉnh để tạo thuận lợi trong triển khai, thực hiện.

#### ***2.1.4. Giải pháp tự kiểm tra, đánh giá chất lượng các nghị quyết đã ban hành***

- Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu giúp Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên tự kiểm tra các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã được ban hành. Trong quá trình thực hiện nghị quyết khi nhận được thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc có yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và qua phương tiện thông tin đại chúng cần tiến hành tự kiểm tra để xác định chính xác những yêu cầu, đề nghị và kịp thời kiến nghị với Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhằm phát huy hiệu quả trong thực hiện cơ chế, chính sách tại địa phương.

- Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong quá trình rà soát, hệ thống hóa nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

- Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện các nghị quyết về cơ chế, chính sách trên địa bàn tỉnh nhằm kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc để kiến nghị giải pháp khắc phục; thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị giám sát, tái giám sát hoặc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát chuyên đề và ban hành nghị quyết về kết quả giám sát theo quy định.

#### ***2.1.5. Giải pháp về công tác phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng nghị quyết***

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh với các cơ quan có liên quan trong công tác chuẩn bị hồ sơ dự thảo nghị quyết.

- Trên cơ sở phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động nghiên cứu, phối hợp và đồng hành với cơ quan soạn thảo, cơ quan thẩm định, cơ quan trình hồ sơ dự thảo nghị quyết trong suốt quá trình xây dựng nghị quyết nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng phải thẩm tra lại vì lý do chất lượng dự thảo nghị quyết và thủ tục, quy trình không

đảm bảo hoặc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giải trình làm rõ khi có nhiều ý kiến khác nhau.

- Tăng cường phối hợp và phát huy vai trò phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên trong quá trình xây dựng và ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tổng hợp thông tin đa chiều về thực trạng và tác động của vấn đề cần ban hành chính sách, sự phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

## **2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách**

### **2.2.1. Giải pháp nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề**

- *Xây dựng chương trình giám sát hằng năm:* Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chương trình giám sát hằng năm và kế hoạch giám sát cụ thể theo từng quý, từng tháng để triển khai thực hiện. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hòa kế hoạch, nội dung giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh phù hợp với tình hình thực tế, trọng tâm, trọng điểm, thiết thực và hiệu quả, tránh trùng lặp.

#### *- Công tác chuẩn bị giám sát*

+ Lựa chọn nội dung giám sát phù hợp, thiết thực và đúng thời điểm, trên cơ sở căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đề nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh; đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và kiến nghị của cử tri. Tăng cường giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành, nhất là việc triển khai thực hiện nghị quyết liên quan đến chế độ, chính sách.

+ Xây dựng Kế hoạch giám sát cụ thể, xác định đúng mục đích yêu cầu, phạm vi, đối tượng giám sát, thời gian, địa điểm và hình thức giám sát (giám sát trực tiếp hoặc giám sát gián tiếp); xây dựng đề cương báo cáo, các mẫu biểu thống kê số liệu để thu thập thông tin. Thông báo sớm và dành thời gian thích hợp để cơ quan, đơn vị chuẩn bị và hoàn thành báo cáo giám sát.

+ Thành lập Đoàn giám sát theo quy định của luật. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời hoặc tham vấn ý kiến của các chuyên gia, người có chuyên môn về các vấn đề giám sát.

+ Tổ chức hội nghị thông báo kế hoạch giám sát, nội dung giám sát (trừ nội dung liên quan đến bí mật nhà nước) gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân theo dõi, giám sát.

+ Thu thập thông tin, chuẩn bị kỹ tài liệu, tư liệu và cung cấp đầy đủ thông tin cho thành viên Đoàn giám sát; nghiên cứu kỹ báo cáo của cơ quan chịu sự giám sát và các văn bản pháp luật liên quan đến nội dung giám sát.

- *Tổ chức khảo sát trực tiếp tại cơ sở*

+ Trước khi giám sát có thể tổ chức khảo sát, làm việc trực tiếp tại cơ sở xã, phường và các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp để đánh giá, tìm hiểu tình hình triển khai trong thực tế, đảm bảo tính khách quan, chính xác.

+ Tăng cường công tác thu thập thông tin, tư liệu (*video, hình ảnh*) từ cơ sở để phục vụ cho hoạt động giám sát, chất vấn khi cần thiết.

- *Triển khai thực hiện giám sát*

+ Triển khai thực hiện đúng quy trình giám sát. Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế, báo cáo của cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát, Đoàn giám sát trao đổi, đề nghị cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát báo cáo, giải trình làm rõ những vấn đề còn vướng mắc, hạn chế và kiến nghị các giải pháp để giải quyết.

+ Hội nghị giám sát phải được lập thành biên bản. Biên bản phải ghi đầy đủ nội dung các ý kiến phát biểu và diễn biến của hội nghị, ý kiến kết luận của chủ trì hội nghị hoặc kết quả biểu quyết.

- *Xây dựng báo cáo kết quả giám sát chuyên đề*

+ Báo cáo kết quả giám sát đảm bảo tính khách quan, chính xác, trung thực. Báo cáo cần nêu lên những kết quả đạt được và chỉ ra những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Những nhận định, đánh giá cần bám sát các quy định của pháp luật, tình hình thực tế, có minh chứng bằng hình ảnh, số liệu, địa chỉ cụ thể. Đối với đề xuất, kiến nghị và giải pháp phải cụ thể, đảm bảo phù hợp với quy định của luật, thực tiễn của địa phương, có tính khả thi, thuận lợi để các cơ quan tổ chức triển khai thực hiện.

+ Trong quá trình xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát cần phát huy dân chủ, sự tham gia của các thành viên Đoàn giám sát, tham vấn ý kiến của các chuyên gia, người có chuyên môn về các vấn đề giám sát.

+ Tổ chức hội nghị thông qua Báo cáo kết quả giám sát; phát huy dân chủ và đảm bảo quyền giải trình của các cơ quan chịu sự giám sát; có thể lấy ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan để hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, đảm bảo tính khả thi của các kiến nghị sau giám sát. Báo cáo được gửi các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định để triển khai thực hiện.

### ***2.2.2. Giải pháp về tăng cường công tác chất vấn, giải trình***

- Tăng số lượng, thời lượng các phiên chất vấn, giải trình tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh lựa chọn vấn đề yêu cầu thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan trả lời trực tiếp; trường hợp cần điều tra, xác minh sẽ quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau hoặc trả lời bằng văn bản.

- Trong thời gian giữa hai kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các phiên chất vấn, giải trình phù hợp với tình hình thực tế. Có thể tổ chức chất vấn trực tiếp; chất vấn trực tuyến; chất vấn, giải trình bằng văn bản.

- Căn cứ đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và nội dung chất vấn, trả lời chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về việc chất vấn, trả lời chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn.

- Thực hiện truyền hình, truyền thanh trực tiếp các phiên chất vấn, giải trình tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên chất vấn, giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí xây dựng phóng sự chuyên đề về những vấn đề chất vấn hoặc giải trình.

### ***2.2.3. Giải pháp tăng cường công tác đôn đốc thực hiện các kết luận, kiến nghị giám sát***

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện các kết luận, kiến nghị giám sát. Kịp thời có văn bản đôn đốc, nhắc nhở. Trong trường hợp cần thiết Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ban hành văn bản kiến nghị cơ quan cấp trên có thẩm quyền xem xét, xử lý.

- Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các kiến nghị giám sát; thực hiện chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các kiến nghị chậm được giải quyết hoặc giải quyết chưa thỏa đáng.

- Trước các kỳ họp thường lệ cuối năm, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có thể tổ chức đánh giá kết quả triển khai thực hiện các kết luận, kiến nghị giám sát của các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát, tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền trong quá trình giám sát cũng như sau giám sát, tạo điều kiện cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, cử tri và Nhân dân theo dõi, giám sát việc thực hiện các kiến nghị giám sát.

- Trong trường hợp cần thiết, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về vấn đề đã được kiến nghị nhưng không được các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát thực hiện. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể kiến nghị Hội đồng

nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành Nghị quyết về vấn đề được kiến nghị qua giám sát chuyên đề nhưng chưa được các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát thực hiện.

**2.2.4. Giải pháp về công tác phối hợp giám sát với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên, Hội đồng nhân dân các cấp**

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh ký kết và thực hiện tốt Quy chế phối hợp công tác; thường xuyên trao đổi thông tin về những vấn đề có liên quan để đảm bảo hiệu quả trong công tác phối hợp thực hiện các hoạt động giám sát, kiểm tra của các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên, Hội đồng nhân dân các cấp ngay từ bước tổng hợp, xử lý thông tin, lựa chọn nội dung và xây dựng kế hoạch giám sát, hạn chế đến mức thấp nhất trùng về nội dung và thời gian tổ chức giám sát; mời tham gia Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; trao đổi, cung cấp thông tin và sử dụng kết quả giám sát của các cơ quan khi cần thiết.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Kiến nghị với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

- Nghiên cứu, tăng số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoạt động chuyên trách, ngoài Trưởng ban, Phó Trưởng ban hoạt động chuyên trách cần quy định cụ thể số lượng đại biểu là Ủy viên các Ban Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoạt động chuyên trách để tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Đề nghị Quốc hội sửa đổi Luật Tổ chức chính quyền địa phương theo hướng bổ sung tăng thẩm quyền quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân giữa hai kỳ họp, bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, giải quyết nhanh, kịp thời những vấn đề thực tiễn cấp bách cần quyết định ngay trong thời gian giữa hai kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Thi đua - Khen thưởng về thẩm quyền và hình thức khen thưởng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân và các cơ quan của Hội đồng nhân dân có thành tích trong hoạt động dân cử.

- Ngay từ đầu nhiệm kỳ, đề nghị Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Trung tâm bồi dưỡng đại biểu dân cử tăng cường tổ chức tập huấn cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về kỹ năng hoạt động dân cử, kỹ năng giám sát, kỹ năng thẩm tra, xử lý thông tin, tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng cơ chế, chính sách và hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **2. Kiến nghị với tỉnh**

### **2.1. Đối với Tỉnh ủy**

- Tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời về công tác tổ chức, cán bộ, quy hoạch, bố trí cán bộ tham gia đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách; cơ cấu Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ là lãnh đạo các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **2.2. Đối với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh**

- Đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả trong công tác xây dựng nghị quyết, hoạt động giám sát và phản biện xã hội; huy động và phát huy sự tham gia của những người có kinh nghiệm, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc trong các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tăng cường công tác thông tin, sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh để phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## PHẦN III

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### I. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện Đề án trong nhiệm kỳ 2021 - 2026.

#### II. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

2. Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án, đồng thời theo chức năng, nhiệm vụ giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Đề án.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan liên quan phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung có liên quan của Đề án.

4. Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện nội dung Đề án. Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Đề án trước ngày 25/11 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm.

5. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu, đề xuất các nội dung triển khai cụ thể; theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; tham mưu sơ kết thực hiện đề án vào năm 2023, tổng kết thực hiện Đề án vào năm 2026.

6. Tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân một số tỉnh, thành phố.

**III. Kinh phí thực hiện:** Do ngân sách tỉnh đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**Phụ lục I**  
**Về số lượng, cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 190/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Nội dung	Khóa XIII (Nhiệm kỳ 2016 - 2021)		Khóa XIV (Nhiệm kỳ 2021 - 2026)	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<b>Số lượng, cơ cấu đại biểu</b>					
1	Tổng số đại biểu	75	100	66	100
2	Đại biểu nữ	25	33,33	19	28,79
3	Đại biểu là người dân tộc thiểu số	16	21,33	11	16,67
4	Đại biểu trẻ	04	5,33	10	15,15
5	Đại biểu tái cử	26	34,67	29	43,94
<b>Trình độ chuyên môn</b>					
6	Trên đại học	46	61,33	56	84,85
7	Đại học	28	37,33	08	12,12
8	Dưới đại học	01	1,33	02	3,03
<b>Trình độ lý luận chính trị</b>					
9	Cử nhân	15	20	05	7,58
10	Cao cấp	47	62,67	53	80,3
11	Trung cấp	09	12	06	9,09
12	Sơ cấp	04	5,33	02	3,03

**Phụ lục II**  
**Thống kê cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

(Kèm theo Nghị quyết số: 190/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Chức danh	Nhiệm kỳ 2016 - 2021						Nhiệm kỳ 2021 - 2026					
		Ủy viên BCH TW Đảng	Bí thư Tỉnh ủy	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	Ủy viên BTV Tỉnh ủy	Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh	Chuyên trách	Ủy viên BCH TW Đảng	Bí thư Tỉnh ủy	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	Ủy viên BTV Tỉnh ủy	Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh	Chuyên trách
1	Chủ tịch			1						1			
2	Phó Chủ tịch				1	1	2				1	1	2
3	Ủy viên Thường trực					3	5					1	4

**Phụ lục III**  
**Thông kê cơ cấu các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 190/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Cơ cấu Ban của HĐND	Nhiệm kỳ 2016-2021						Nhiệm kỳ 2021-2026						Ghi chú
		Tổng số thành viên	Ủy viên BTV Tỉnh ủy	Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh	Không là cấp ủy	Chuyên trách	Không chuyên trách	Tổng số thành viên	Ủy viên BTV Tỉnh ủy	Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh	Không là cấp ủy	Chuyên trách	Không chuyên trách	
1	<b>Ban Kinh tế - ngân sách</b>	7		2	5	2	5	7		4	3	2	5	
	Trưởng ban	1			1	1		1		1		1		
	Phó Trưởng ban	1			1	1		1			1	1		
	Ủy viên	5		2	3		5	5		3	2		5	
2	<b>Ban Pháp chế</b>	7	1	4	2	2	5	7	1	1	5	2	5	
	Trưởng ban	1		1		1		1			1	1		
	Phó Trưởng ban	1			1	1		1			1	1		
	Ủy viên	5	1	3	1		5	5	1	1	3		5	
3	<b>Ban Văn hóa - xã hội</b>	7		2	5	2	5	7	1	1	5	2	5	
	Trưởng ban	1			1	1		1			1	1		

	Phó Trưởng ban	1			1	1		1			1	1		
	Ủy viên	5		2	3		5	5	1	1	3		5	
	<b>Ban Dân tộc</b>	<b>7</b>		<b>1</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>7</b>	<b>1</b>		<b>6</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	
4	Trưởng ban	1		1		1		1			1	1		
	Phó Trưởng ban	1			1	1		1			1	1		
	Ủy viên	5			5		5	5	1		4		5	

**Phụ lục IV**  
**Thống kê cơ cấu các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

(Kèm theo Nghị quyết số: 190/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Cơ cấu	Nhiệm kỳ 2016-2021					Nhiệm kỳ 2021-2026					Ghi chú		
		Tổng số thành viên	Ủy viên BTV Tỉnh ủy	Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh	Không là cấp ủy	Chuyên trách	Không chuyên trách	Tổng số thành viên	Ủy viên BTV Tỉnh ủy	Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh	Không là cấp ủy		Chuyên trách	Không chuyên trách
1	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>	<b>19</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>2</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>3</b>	<b>6</b>	<b>8</b>	<b>2</b>	<b>15</b>	
	Tổ trưởng	1		1			1	1		1			1	
	Tổ phó	2		1	1		2	2			2		2	
	Tổ viên	16	4	3	9	2	14	14	3	5	6	2	12	
2	<b>Thành phố Sông Công</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
	Tổ trưởng	1		1			1	1		1			1	
	Tổ phó	1			1		1	1			1		1	
	Tổ viên	2	1		1	1	1	2	2				2	

3	<b>Thị xã Phổ Yên</b>	<b>10</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>2</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>8</b>	
	Tổ trưởng	1		1			1	1		1			1	
	Tổ phó	1			1		1	1			1		1	
	Tổ viên	8	2		6	2	6	7	2	2	3	1	6	
4	<b>Huyện Phú Bình</b>	<b>9</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	
	Tổ trưởng	1		1			1	1		1			1	
	Tổ phó	1			1		1	1			1		1	
	Tổ viên	7	1	1	5	2	5	6	1	2	3	2	4	
5	<b>Huyện Đông Hỷ</b>	<b>7</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	
	Tổ trưởng	1		1			1	1			1		1	
	Tổ phó	1			1		1	1			1	1		
	Tổ viên	5	2		3	1	4	3	1	1	1	1	2	
6	<b>Huyện Võ Nhai</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	
	Tổ trưởng	1		1			1	1		1			1	
	Tổ phó	1			1		1	1			1		1	

	Tổ viên	2	1		1	1	1	2	1		1	1	1	
7	<b>Huyện Đại Từ</b>	<b>10</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>7</b>	<b>9</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	<b>8</b>	
	Tổ trưởng	1		1			1	1		1			1	
	Tổ phó	1			1		1	1			1		1	
	Tổ viên	8	2		6	3	5	7	1		6	1	6	
8	<b>Huyện Phú Lương</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>4</b>		<b>7</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	
	Tổ trưởng	1		1			1	1		1			1	
	Tổ phó	1			1		1	1			1		1	
	Tổ viên	5	1	1	3		5	3	1		2	1	2	
9	<b>Huyện Định Hóa</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		<b>5</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2</b>		<b>5</b>	
	Tổ trưởng	1		1			1	1		1			1	
	Tổ phó	1			1		1	1			1		1	
	Tổ viên	3	1	1	1		3	3	2		1		3	

**Phụ lục V**

**Cơ cấu, tổ chức bộ máy của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 190/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Nhiệm kỳ 2016 - 2021			STT	Nhiệm kỳ 2021 - 2026		
	Tên đơn vị	Biên chế			Tên đơn vị	Biên chế	
		Công chức	Hợp đồng			Công chức	Hợp đồng
<b>A</b>	<b>Văn phòng HĐND tỉnh</b>			<b>A</b>	<b>Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh</b>		
<b>I</b>	<b>Lãnh đạo Văn phòng</b>	<b>03</b>		<b>I</b>	<b>Lãnh đạo Văn phòng</b>	<b>04</b>	
1	Chánh Văn phòng	01		1	Chánh Văn phòng	01	
2	Phó Chánh Văn phòng	02		2	Phó Chánh Văn phòng	03	
<b>II</b>	<b>Các phòng chuyên môn</b>	<b>17</b>	<b>8</b>	<b>II</b>	<b>Các phòng chuyên môn</b>	<b>27</b>	<b>11</b>
1	Phòng Tổng hợp	11		1	Phòng Công tác Quốc hội	05	
2	Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị	06	8	2	Phòng Công tác HĐND	10	
				3	Phòng Thông tin - Dân nguyện	05	

STT	Nhiệm kỳ 2016 - 2021			STT	Nhiệm kỳ 2021 - 2026		
	Tên đơn vị	Biên chế			Tên đơn vị	Biên chế	
		Công chức	Hợp đồng			Công chức	Hợp đồng
				4	Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị	07	11
	<b>Tổng: 28 biên chế và 02 phòng</b>	<b>20</b>	<b>8</b>		<b>Tổng: 42 biên chế và 04 phòng</b>	<b>31</b>	<b>11</b>

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 191/NQ-HĐND

*Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

### **NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 2 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên năm 2021;*

*Sau khi nghe Báo cáo số 177/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 2 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;*

*Xét Tờ trình số 176/TTr-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 2 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành Báo cáo kết quả giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 2 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## 1. Kết quả đạt được

Kỳ họp thứ 2 và Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh có tổng số 105 ý kiến, kiến nghị của cử tri. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp thu, giải quyết và trả lời 100% các ý kiến, kiến nghị của cử tri. Thống nhất chuyển 06 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương; 05 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện; số ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền cấp tỉnh cần xem xét, giải quyết là 94 ý kiến, kiến nghị. Trong số 94 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền cấp tỉnh có 56/94 ý kiến, kiến nghị của cử tri đã giải quyết xong và giải trình, thông tin tới cử tri, đạt tỷ lệ 59,6%; 38/94 ý kiến, kiến nghị đang giải quyết, chiếm tỷ lệ 40,4%. Nhìn chung, việc tiếp nhận, giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri đã được thực hiện đúng quy định, nội dung trả lời cơ bản đầy đủ, nhiều kiến nghị được xem xét, giải quyết kịp thời, đáp ứng nguyện vọng của cử tri.

## 2. Hạn chế

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã rất nỗ lực trong công tác chỉ đạo, triển khai giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri nhưng tỷ lệ ý kiến, kiến nghị đã giải quyết xong và giải trình thông tin tới cử tri mới đạt 59,6% (trong đó, số ý kiến đã giải quyết xong chiếm tỷ lệ 20,2%; số ý kiến giải trình thông tin chiếm tỷ lệ 39,4%).

- Một số ý kiến, kiến nghị của cử tri chưa được giải quyết dứt điểm hoặc chưa xác định rõ lộ trình, tiến độ giải quyết.

- Việc tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị còn có nội dung chưa rõ ý và chưa đúng thẩm quyền.

- Một số nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh xác định là đã giải quyết xong hoặc giải trình, thông tin với cử tri, tuy nhiên thực tế vẫn đang triển khai thực hiện.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến và thông tin về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri mặc dù đã được quan tâm, thực hiện thường xuyên nhưng vẫn còn có ý kiến, kiến nghị đã được giải quyết, trả lời hoặc chính sách có liên quan đã được ban hành nhưng cử tri vẫn tiếp tục kiến nghị.

## 3. Nguyên nhân

- Sự phối hợp giữa một số Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện chưa chặt chẽ.

- Nhiều ý kiến, kiến nghị của cử tri có liên quan đến việc bố trí nguồn lực để đầu tư nên cần có lộ trình, thời gian mới có thể giải quyết. Một số ý kiến, kiến nghị liên quan đến việc thực hiện các dự án đầu tư, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đòi hỏi phải thực hiện thanh tra, kiểm tra và có thời gian mới có thể xử lý, giải quyết dứt điểm.

- Một số kiến nghị liên quan đến cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương, do vậy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ có thể giải trình, tiếp thu và kiến nghị với cấp có thẩm quyền để giải quyết.

- Một số kiến nghị của cử tri liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực trong khi việc xem xét, giải quyết, trả lời trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh là tương đối ngắn nên vẫn còn ý kiến, kiến nghị đang trong quá trình giải quyết.

**Điều 2.** Để tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu:

### **1. Đối với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

- Tăng cường giám sát đối với ý kiến, kiến nghị của cử tri đang trong quá trình giải quyết và ý kiến, kiến nghị gửi đến các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo kết quả giám sát với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện trong việc tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị gửi đến kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền giải quyết.

- Chỉ đạo các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát thường xuyên việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri. Chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý để tổng hợp, theo dõi, giám sát kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

### **2. Đối với các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

- Thường xuyên theo dõi, giám sát đối với việc giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri tại địa phương. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

- Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đảm bảo rõ ràng, chính xác, đúng thẩm quyền để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng trong việc xem xét, giải quyết, trả lời cử tri.

### **3. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri do Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đến; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri theo đúng quy định, không để tồn đọng, kéo dài.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đang phát sinh nhiều ý kiến, kiến nghị của cử tri như công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên và môi trường, bồi thường giải phóng mặt bằng, quản lý dự án đầu tư, xây dựng cơ bản,...

- Tập trung chỉ đạo, giải quyết 38 ý kiến, kiến nghị của cử tri đang trong quá trình giải quyết, đặc biệt là các ý kiến, kiến nghị của cử tri kéo dài qua nhiều kỳ họp như: Tuyến đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà; các dự án đầu tư ngoài ngân sách; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình đã mua nhà thanh lý tại khu C, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân có liên quan đến đất các nông, lâm trường tại huyện Võ Nhai, huyện Đông Hỷ, thị xã Phổ Yên; vấn đề ô nhiễm môi trường, di dời các hộ dân của khu vực Hang Hùm, xóm 6, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ (*có Phụ lục kèm theo*).

- Đối với nhóm ý kiến về các dự án đã có quyết định phê duyệt dự án đầu tư, đề nghị quan tâm bố trí vốn đảm bảo thứ tự ưu tiên theo đúng nguyên tắc bố trí vốn của Luật Đầu tư công.

- Tiếp tục kiến nghị với các cơ quan Trung ương xem xét, giải quyết đối với 06 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương và báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể như: Việc nâng cấp, mở rộng tuyến đường Quốc lộ 17, xây dựng hệ thống mương thoát nước hai bên đường, cấm biển báo giao thông và làm các gờ giảm tốc; lắp đặt hệ thống biển báo tín hiệu, gờ giảm tốc tại khu vực ngã 3 Giang Tiên - Vô Tranh và một số điểm trên Quốc lộ 37 (ngã ba Ninh Hương vào đường Ninh Sơn, ngã ba Phú Thái đường Lương Sơn); cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 37, sửa chữa hệ thống mương thoát nước (đoạn từ Cầu Huy Ngạc đến

cổng Trường Trung học phổ thông Đại Từ; từ cổng trường Tiểu học Yên Lãng I đến cổng Trường Tiểu học Yên Lãng II; từ Cây Đa đôi Phú Xuyên đến đường vào khu nghĩa trang xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ); cơ chế chính sách cho đội ngũ cán bộ bán chuyên trách ở thôn, xóm công tác từ 15 năm trở lên; việc hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm y tế cho nhân dân hiện đang sinh sống tại các xã ATK.

- Chỉ đạo, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã xem xét, giải quyết đối với 05 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Giao các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục**  
**TỔNG HỢP Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ THUỘC THẨM QUYỀN CẤP TỈNH ĐANG GIẢI QUYẾT**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 191/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**Tổng số: 38 ý kiến**

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả thực hiện
<b>I</b>	<b>Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 138/NQ-HĐND NGÀY 12/8/2021 CỦA HĐND TỈNH (27 ý kiến)</b>	
1	Cử tri xã Yên Lạc, huyện Phú Lương đề nghị giải quyết dứt điểm vấn đề đất đai giữa các hộ dân với Trung đoàn 246, Kho K87, Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương	Hiện nay, Bộ Quốc phòng đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ (Văn bản số 3317/BQP-TM ngày 05/9/2020 của Bộ Quốc phòng); sau khi Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo giải quyết tiếp nội dung đề nghị của cử tri.
2	Cử tri thị xã Phổ Yên đề nghị UBND tỉnh thu hồi hoặc yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các khu quy hoạch không triển khai, chậm triển khai hoặc có triển khai nhưng không đúng cam kết theo quy định, cụ thể: Dự án khu dịch vụ thể thao Golf Yên Bình trên địa bàn phường Đồng Tiến	Ngày 09/7/2021, Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Yên Bình đã nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án, trong đó giảm quy mô dự án xuống còn 5,01ha (đây là phần diện tích đã được giao đất và nhà đầu tư đã hoàn thiện phần cơ sở hạ tầng kỹ thuật, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang làm thủ tục quyết toán, bàn giao cho địa phương quản lý). Hiện nay các đơn vị liên quan đang thẩm định hồ sơ để báo cáo UBND tỉnh theo quy định.
3	Cử tri xã Bảo Cường, huyện Định Hóa đề nghị nâng cấp, sửa chữa hai tuyến mương Vai Cái và Thác Lầm	1. Kênh mương đập Vai Cái. Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Thái Nguyên đã tổ chức khảo sát và lập xong hồ sơ sửa chữa, công trình sẽ khởi công vào tháng 12/2021. 2. Kênh mương đập Thác Lầm. Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Thái Nguyên đã tổ chức khảo sát và lập xong hồ sơ thiết kế sửa chữa, công trình sẽ khởi công vào tháng 12/2021.
4	Cử tri tổ dân phố 6, 7, 28, 29, 30, 31, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm tiếng ồn, khói bụi do nhà máy Cốc hóa thuộc Công ty Cổ phần Gang thép gây ra (ý kiến cử tri trùng ý kiến cử	Ngày 21/9/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức kiểm tra đối với nhà máy Cốc hóa. Kết quả cho thấy: Nhà máy tiếp tục vận hành các hệ thống xử lý khí bụi nước thải từ lò đập cốc; duy trì thu hồi khí cốc làm nhiên liệu, đốt hủy khí cốc khi xả điều áp; lắp đặt xong 100% khối lượng đường ống dẫn đưa nước làm mát về xí nghiệp năng lượng để hạ nhiệt và tái sử dụng, bắt đầu đưa vào sử dụng từ 23/8/2021; hoàn thành và đưa vào

	<i>tri gửi tới Kỳ họp thứ 12)</i>	<p>sử dụng mái che bãi than hạn chế nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn ra môi trường. Nhà máy đã được Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (là đơn vị chủ quản) thông qua kế hoạch đầu tư hệ thống quan trắc khí thải tự động, được phê duyệt dự án đầu tư (Quyết định số 342/QĐ-GTTN ngày 28/6/2021). Ngày 03/9/2021 đã tổ chức mở thầu mua sắm, lắp đặt thiết bị để hoàn thành dự án.</p> <p>UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên kiểm tra, quan trắc các mẫu khí thải, nước thải, tiếng ồn, khói bụi đảm bảo đúng tiêu chuẩn cho phép.</p>
5	Cử tri phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh sớm di dời tháp ăng ten truyền hình của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đến địa điểm mới đã được phê duyệt để đảm bảo an toàn cho người dân sinh sống tại khu vực này	<p>Theo báo cáo của Sở Xây dựng:</p> <p>Tháp ăng ten đã đảm bảo an toàn do UBND tỉnh đã chỉ đạo và giao cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên thực hiện. Công trình gia cố, sửa chữa và đã hoàn thành quyết toán dự án tháng 10/2021.</p> <p>Hiện nay, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án đấu giá tài sản và quyền sử dụng đất tại khu vực này và người trúng đấu giá sẽ tháo dỡ công trình sau khi trúng đấu giá.</p>
6	Cử tri thành phố Thái Nguyên đề nghị UBND tỉnh thu hồi hoặc yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các khu quy hoạch không triển khai, chậm triển khai hoặc có triển khai nhưng không đúng cam kết theo quy định làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của Nhân dân, cụ thể: Dự án chung cư Đại Nam (phường Phan Đình Phùng)	<p>Hiện nay, Thanh tra tỉnh đang phối hợp với các cơ quan, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kết luận thanh tra. Sau khi có kết luận thanh tra, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.</p>
7	Cử tri thị trấn Sông Cầu, huyện Đông Hồ: Đề nghị tỉnh kiến nghị với Trung ương và các Bộ, ngành liên quan thu hồi diện tích 300ha của Công ty Cổ phần Chè Thái Nguyên giao về cho địa phương quản lý theo đúng quy định của pháp luật	<p>Tại Kết luận số 1452/KL-TTCTP ngày 21/8/2020, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty Chè Việt Nam khẩn trương phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương hoàn tất việc rà soát, xác định ranh giới, cắm mốc giới, đo đạc, lập bản đồ địa chính và hồ sơ ranh giới sử dụng đất, lập phương án sử dụng đất. Ngày 15/6/2021, Vinatea Thái Nguyên đã có Tờ trình số 15 kèm theo Phương án sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định (Công ty chưa hoàn thành việc lập hồ sơ bàn giao đất cho địa phương đối với diện tích không có nhu cầu sử dụng theo cam kết). Phương án sử dụng đất chưa hoàn thiện, chưa thống nhất với chính quyền địa phương</p>

		<p>(về diện tích giữ lại và diện tích bàn giao cho địa phương). Ngày 19/9/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức hội nghị với UBND huyện Đổng Hỷ, UBND các xã và Vinatea Thái Nguyên đã thống nhất lại diện tích Vinatea Thái Nguyên đề nghị giữ lại, và phần trả ra cho địa phương.</p> <p>Ngày 26/10/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức hội nghị thống nhất số liệu đất đai của phương án sử dụng đất yêu cầu Vinatea Thái Nguyên gửi Sở trước ngày 15/11/2021.</p>
8	Cử tri phường Cải Đan, thành phố Sông Công đề nghị tỉnh đôn đốc nhà đầu tư sớm triển khai thực hiện Dự án Bệnh viện Phúc Thái (được phê duyệt chủ trương đầu tư từ năm 2010)	<p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kết luận số 67/TB-UBND ngày 25/6/2021.</p> <p>Ngày 01/7/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 1963/SKHĐT-ĐKKD về việc đề nghị Nhà đầu tư thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (thời hạn trước ngày 15/7/2021) để Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Tuy nhiên, nhà đầu tư chưa thực hiện do tình hình dịch bệnh Covid-19.</p>
9	Cử tri phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên đề nghị tỉnh kiểm tra, đánh giá công tác quy hoạch, thiết kế xây dựng chợ Ba Hàng, công trình mới được đầu tư xây dựng nhưng đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng (hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải... gây ô nhiễm môi trường)	<p>Theo báo cáo của Sở Công Thương:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chợ Ba Hàng do Công ty Cổ phần Trung Tín là chủ đầu tư xây dựng theo Chứng nhận đầu tư, quy mô dự án xây dựng chợ Ba Hàng là Chợ loại I (hạng 1). Nội quy chợ được phê duyệt tại Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên.</li> <li>- Công ty Cổ phần Trung Tín thực hiện triển khai dự án cơ bản đúng tiến độ và phù hợp với Giấy phép xây dựng được cấp. Hiện tại, chợ Ba Hàng cơ bản đảm bảo tiêu chí là chợ hạng 1 theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.</li> </ul> <p>Ngày 13/7/2021, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND thị xã Phổ Yên, Công ty Cổ phần Trung Tín và các đơn vị liên quan kiểm tra đã thống nhất các hạng mục xuống cấp sẽ được sửa chữa, nâng cấp trước ngày 31/12/2021.</p>
10	Cử tri xã Hà Thượng, huyện Đại Từ phản ánh hiện tại nguồn nước sinh hoạt đang bị ô nhiễm, Nhân dân muốn có nước sinh hoạt phải đi mua nước về dùng. Đề nghị UBND tỉnh đẩy nhanh tiến độ bồi thường giải phóng mặt bằng, xem xét di chuyển các hộ dân ra khỏi vùng ảnh hưởng. Trong thời gian chưa di chuyển đề	<p><b>- Về việc nước sinh hoạt của người dân khu vực Hang Hùm đang bị ô nhiễm:</b></p> <p>UBND tỉnh Thái Nguyên có Văn bản số 4125/UBND-CNN ngày 23/10/2020 chỉ đạo việc quan trắc môi trường tại khu vực xã Hà Thượng, huyện Đại Từ. Từ ngày 22/12/2020 đến ngày 02/4/2021, UBND huyện Đại Từ đã phối hợp cùng Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên, UBND xã Hà Thượng và các hộ dân xóm 6, xã Hà Thượng tiên hành lấy mẫu 03 đợt tại 36 giếng nước khu xóm 6, xã Hà Thượng để phân tích, đánh giá.</p> <p>Ngày 11/8/2021, UBND huyện Đại Từ đã có Thông báo số 257/TB-UBND thông</p>

ngộ tình có biện pháp hỗ trợ Nhân dân có nước dùng trong sinh hoạt

báo kết quả quan trắc chất lượng nước dưới đất khu vực xóm 6, cụ thể:

- Có 18/36 giếng có hàm lượng Natri (Na), Sunfat (SO<sub>4</sub><sup>2-</sup>) vượt giới hạn cho phép.

- Có 07/36 giếng có hàm lượng SO<sub>4</sub><sup>2-</sup> dao động từ 413,03 mg/l đến 992,08mg/l vượt giới hạn cho phép.

- Có 11/36 giếng có hàm lượng Na, SO<sub>4</sub><sup>2-</sup> nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép.

Ngày 13/8/2021, UBND huyện Đại Từ đã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội nghị công bố kết quả quan trắc môi trường tại xóm 6. Các hộ dân nhất trí với kết quả quan trắc và đề nghị sớm thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân bị ảnh hưởng ra khỏi khu vực ô nhiễm.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Thái Nguyên, UBND huyện Đại Từ đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với Công ty Núi Pháo triển khai thực hiện thu hồi, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với các hộ dân thuộc diện di dời khu vực xóm 6, xã Hà Thượng, theo đề nghị và thống nhất của Công ty Núi Pháo tại Văn bản số 471-2021/CV-NPM ngày 27/9/2021 thì có 37 hộ phải tiến hành di dời. Ngày 05/11/2021, UBND huyện Đại Từ đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất tổ chức họp dân phổ biến tài liệu chính sách bồi thường tới các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (khu xóm 6, xã Hà Thượng). Hiện tại Công ty Núi Pháo đang triển khai thực hiện công tác trích đo bản đồ thu hồi đất để làm cơ sở triển khai thực hiện công tác bồi thường GPMB.

**- Về bồi thường giải phóng mặt bằng các hộ dân xóm 3,4 trong vùng bị ảnh hưởng:**

Tổng số hộ dân xóm 3, 4 trong vùng bị ảnh hưởng là 255 hộ. Đến nay, Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã thực hiện chi trả kinh phí cho 222 hộ, với tổng số tiền là 408,05 tỷ đồng, còn 33 hộ chưa trả kinh phí là 43,25 tỷ đồng.

Ngày 22/11/2021, UBND huyện tiếp tục có Văn bản số 2228/UBND-PTQĐ đề nghị Công ty Núi Pháo thực hiện việc chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân như đã cam kết tại biên bản làm việc với UBND huyện ngày 22/6/2021. Sau khi có Văn bản của UBND huyện Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã bố trí kinh phí để chi trả tiền cho 04 hộ dân với tổng số tiền là 5,16 tỷ đồng, trong đó chi trả 3,31 tỷ đồng cho 03 hộ dân thuộc xóm 3,4 xã Hà Thượng.

		<p>Đến nay, còn 27 hộ dân đã phê duyệt phương án bồi thường với giá trị 37,77 tỷ đồng nhưng chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường. UBND huyện sẽ tiếp tục đôn đốc Công ty Núi Pháo thực hiện theo đúng nội dung đã cam kết với UBND huyện.</p> <p><b>- Về vấn đề cấp nước sạch cho người dân:</b></p> <p>Ngày 19/11/2020, UBND huyện đã làm việc với UBND xã Hà Thượng, Công ty Núi Pháo và thống nhất một số nội dung, trong đó có việc cung cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân bị ảnh hưởng thuộc khu vực xóm 6 xã Hà Thượng như sau: Công ty Núi Pháo tiếp tục hỗ trợ nước sinh hoạt cho Nhân dân với định mức 60 lít/người/ngày (theo quy định tại TCXDVN 33:2006 Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế) với hình thức bơm từ xe chở nước di động vào téc nước của các hộ dân, đơn vị cung cấp nước là Công ty Cổ phần Dương Linh Trang, có địa chỉ tại Tổ dân phố 2 thị trấn Hùng Sơn, Công ty có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm do Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm tỉnh Thái Nguyên cấp.</p>
11	<p>Cử tri xã Hà Thượng, huyện Đại Từ đề nghị tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn xác định lại mức giới thu hồi đất theo Kết luận thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xác định vị trí thu hồi đất các hộ dân tại xóm 2 và nhanh chóng di chuyển các hộ dân trong vùng ảnh hưởng</p>	<p>Đối với 07 hộ còn lại hiện đang hoàn thiện hồ sơ để phê duyệt theo quy định, trong đó:</p> <p>+ 02 hộ đồng ý phương án bồi thường (hộ ông Ngô Công Đồng và hộ bà Lê Thị Hoài): UBND tỉnh đã ủy quyền cho huyện Đại Từ. Ngày 05/11/2021, UBND huyện Đại Từ đã ban hành Quyết định số 6497/QĐ-UBND về việc phê duyệt đơn giá bồi thường đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện một số công trình, dự án trên địa bàn huyện Đại Từ. UBND huyện đang thực hiện phê duyệt phương án 02 hộ trên theo quy định.</p> <p>+ 04 hộ chưa đồng ý với phương án (Ông Phùng Xuân Thiện, bà Phùng Thị Tâm, bà Lương Thị Quỳnh, bà Lương Mai Anh); 01 hộ chưa đồng ý với diện tích (ông Bùi Văn Mạnh và bà Nguyễn Thị Nhung): Giao UBND huyện Đại Từ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, rà soát kỹ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật; khẩn trương phê duyệt phương án và thực hiện theo trình tự quy định.</p> <p>Đối với các hộ còn lại, UBND tỉnh giao UBND huyện Đại Từ tiếp tục phối hợp với Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo hoàn thiện hồ sơ pháp lý để phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định.</p>
12	<p>Cử tri xã Quyết Thắng, thành phố Thái</p>	<p>Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Thông báo số 113/TB-UBND ngày 06/8/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 2774/SKHĐT-ĐKKD ngày 07/9/2021 gửi Sở</p>

	<p>Nguyên đề nghị tỉnh kiểm tra, rà soát tất cả các dự án trên địa bàn xã Quyết Thắng, triển khai thực hiện sớm không để kéo dài ảnh hưởng lớn đến đời sống và tư tưởng của Nhân dân: Dự án Khu dân cư số 01 mới được thực hiện do doanh nghiệp Từ Sơn làm chủ đầu tư sử dụng đất chưa đúng mục đích như giấy phép đã đăng ký, còn 7ha đất chưa thực hiện.</p>	<p>Xây dựng, Thanh tra tỉnh đề nghị cho ý kiến đối với hồ sơ điều chỉnh dự án. Hiện nay, trên cơ sở ý kiến của Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tổng hợp để báo cáo UBND tỉnh theo quy định.</p>
13	<p>Cử tri phường Hương Sơn, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên kiến nghị tỉnh sớm giải quyết các vấn đề vướng mắc trong việc xây dựng, quản lý chợ Dốc Hanh</p>	<p>Hiện nay, Đoàn kiểm tra đang thực hiện</p>
14	<p>Cử tri phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng sớm giải quyết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hơn 100 hộ gia đình đã mua nhà thanh lý tại khu C, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp từ năm 1991 đến nay vẫn chưa có bìa đỏ</p>	<p>Ngày 30/6/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kết luận số 48/KL-STNMT Kết luận thanh tra việc quản lý sử dụng đất của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên. Trong đó kiến nghị UBND tỉnh Thái Nguyên: <i>"Thu hồi diện tích 3,191ha đất Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp không còn nhu cầu sử dụng, đã thanh lý cho cán bộ, giáo viên làm nhà ở để giao cho UBND thành phố Thái Nguyên để quản lý theo quy hoạch"</i>. Sở Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với UBND thành phố Thái Nguyên và các cơ quan liên quan thiết lập hồ sơ trình UBND tỉnh thu hồi diện tích 3,191 ha đất tại khu C và khu nhà trẻ cũ để giao cho UBND thành phố Thái Nguyên quản lý. Thời gian trước ngày 31/12/2021.</p>
15	<p>Cử tri xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công Dự án đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà - Quyết Thắng (ý kiến cử tri trùng với ý kiến cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 12)</p>	<p>Dự án có tổng chiều dài tuyến thuộc địa phận thành phố Thái Nguyên là 2.041m từ Km7+176.01 đến Km9+216.91 với diện tích thu hồi 1,7ha của 120 hộ, trong đó có 6 hộ phải di chuyển nhà ở. - Hiện nay, đã thẩm định phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được 116 hộ với tổng số tiền là 17,4 tỷ. Trong đó: + Đã thực hiện chi trả cho 115 hộ với diện tích đã bàn giao mặt bằng là 1,49ha.</p>

		<p>+ UBND thành phố Thái Nguyên đã giao Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đẩy nhanh công tác vận động 01 hộ đã có kết quả thẩm định nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng. Đã xong trong tháng 10/2021.</p> <p>- Đối với 04 hộ còn lại, UBND thành phố Thái Nguyên đã giao Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tiếp tục tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ phối hợp hoàn chỉnh hồ sơ xong trước ngày 30/11/2021.</p>
16	<p>Cử tri xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ đề nghị tỉnh xem xét việc kiểm đếm và bồi thường cho các hộ dân bị thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu du lịch tâm linh Hồ Núi Cốc (khởi công từ năm 2016), vì hiện nay có những hộ dân đã kiểm đếm và được bồi thường, có những hộ đã kiểm đếm nhưng chưa được bồi thường</p>	<p>* Số hộ bị ảnh hưởng: 397 hộ trên tổng diện tích 45,58m2</p> <p>+ Dự án Đường trục nối từ ĐT.261 vào khu vực Đền Gàn: Đã thu hồi, phê duyệt 302/302 hộ; đã chi trả 69,34/76,13 tỷ đồng.</p> <p>+ Dự án Khu tái định cư xóm 5 xã Vạn Thọ: Đã thu hồi, phê duyệt 50/50 hộ; Đã chi trả 40/50 hộ: 2,94/6,06 tỷ đồng.</p> <p>+ Dự án Khu tâm linh Hồ Núi Cốc: Có 10,8ha đất rừng phòng hộ bảo vệ môi trường Hồ Núi Cốc gồm: 8,55 ha đã được cấp giấy CNQSD đất, 2,25 ha chưa được cấp giấy CNQSD đất. Trong đó: Tổng số hộ ảnh hưởng 45 (44 hộ và 01 tổ chức); Số hộ đã thực hiện kiểm kê 44 hộ, 01 tổ chức; Đã ban hành 05 Quyết định thu hồi, phê duyệt phương án; diện tích thu hồi 16,5 ha trong đó có 8,55ha đất rừng phòng hộ bảo vệ môi trường Hồ Núi Cốc; giá trị phê duyệt trên 17 tỷ đồng; diện tích đã bàn giao mặt bằng 7,95 ha (bao gồm cả phần diện tích 5,2 ha đã thu hồi từ năm 2016).</p> <p>* Tồn tại, vướng mắc.</p> <p>+ Đối với diện tích 8,55 ha đất rừng phòng hộ bảo vệ môi trường hồ Núi Cốc đã thu hồi và phê duyệt phương án. UBND huyện đã thông báo chi trả tiền cho Ban quản rừng phòng hộ bảo vệ môi trường Hồ Núi Cốc. Tuy nhiên đến nay Ban quản lý rừng phòng hộ bảo vệ môi trường Hồ Núi Cốc chưa tiếp nhận kinh phí để thực hiện chi trả tiền cho các hộ dân.</p> <p>+ Đối với các hộ đang canh tác sử dụng diện tích 2,25 ha đất rừng phòng hộ chưa được cấp GCNQSD đất. Ngày 27/8/2018 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản số 1561/SNN-KHTC đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh về việc thống nhất cơ chế bồi thường để thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích 2,25 ha đất trên (đất quy hoạch rừng phòng hộ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đến nay vướng mắc cơ chế</p>

		<p>đề thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, GPMB.</p> <p>+ Đối với hộ ông Nhâm Tiến Dũng xóm 10, xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ (hộ ông Dũng có tài sản công trình là nhà ở, quán bán hàng kinh doanh ăn uống và các công trình khác diện tích rất lớn được xây dựng trên thửa đất số 03 tờ bản đồ số 02 thuộc đất quy hoạch rừng phòng hộ trong phạm vi dự án) UBND huyện Đại Từ đã có báo cáo số 126/BC-UBND ngày 20/4/2018; Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 19/02/2019; Báo cáo số 172/BC-UBND ngày 16/5/2019 đề xuất cơ chế hỗ trợ. Tuy nhiên đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể đối với hộ ông Nhâm Tiến Dũng xóm 10, xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ.</p> <p>+ Khu tái định cư xóm 5 xã Vạn Thọ đã ban hành Quyết định thu hồi và phê duyệt phương án Bồi thường và GPMB từ năm 2017 nhưng đến nay chưa có kinh phí GPMB và triển khai xây dựng khu tái định cư để giao đất tái định cư cho các hộ (Hiện nay đã có nhiều hộ dân phá dỡ nhà và các công trình để bàn giao mặt bằng cho dự án thi công từ năm 2016 nhưng chưa được giao đất tái định cư).</p> <p>Trong thời gian tới UBND tỉnh làm việc với nhà đầu tư, cân đối nguồn lực, rà soát việc thực hiện dự án có phương án bồi thường giải phóng mặt bằng cụ thể, thông báo đến cử tri được biết.</p>
17	<p>Cử tri xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên phản ánh: Hiện nay, tại xóm Soi Vàng có 02 trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn, xây dựng gần khu dân cư, đang gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe của Nhân dân. Đề nghị tỉnh quan tâm, chỉ đạo các ngành chức năng có phương án giải quyết.</p>	<p><b>(1) Đối với trại chăn nuôi nhà ông Đàm Văn Mười</b></p> <p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thanh tra công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với trang trại gia đình ông Đàm Văn Mười (theo Quyết định số 732/QĐ-STNMT ngày 15/7/2021). Đến nay, đã ban hành Kết luận thanh tra số 75/KLTTr-STNMT ngày 29/10/2021 về thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với ông Đàm Văn Mười - Chủ trang trại chăn nuôi lợn tại xóm Soi Vàng, xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên. Theo đó, đã kết luận ông Đàm Văn Mười có hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn môi trường (xả nước thải vào ao đất, không lót đáy chống thấm nằm trong khuôn viên trang trại) và hành vi khai thác nước dưới đất không có giấy phép. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã xử phạt ông Mười với tổng số tiền phạt 68.000.000 đ (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 48/QĐ-XPVPHC ngày 29/10/2021), truy thu 31.979.191đ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, thuê tài nguyên đối với nước thiên nhiên và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên</p>

nước.

**(2) Đối với trang trại chăn nuôi của ông Trần Xuân Phong:**

Đến nay, ông Phong đã hoàn thành hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và hướng dẫn thực hiện các bước tiếp theo.

Ngày 5/11/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND thành phố Thái Nguyên, UBND xã Tân Cương kiểm tra thực tế trang trại của ông Trần Xuân Phong. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy, trang trại đã lắp đặt bổ sung 2 bể xử lý vi sinh có lót bạt chống thấm HDPE và máy sục khí; hệ thống xử lý đang hoạt động bình thường. Nước thải sau xử lý chảy qua các ao chứa sau đó chảy ra Sông Công. Tuy nhiên, ông Phong chưa nộp phạt theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; chưa hoàn thành việc lập hồ sơ kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để được kiểm tra chấp thuận theo quy định. Ông Phong cam kết sẽ tìm đơn vị tư vấn để ký hợp đồng lập hồ sơ kế hoạch vận hành thử nghiệm và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20/11/2021.

UBND tỉnh yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục kiểm tra thực tế việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải và hướng dẫn ông Phong thực hiện các quy định về môi trường; giám sát hướng dẫn ông Phong nghiêm túc thực hiện đầy đủ các yêu cầu tại Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh, hoàn thành trước ngày 31/12/2021.

**(3) Đối với trang trại bà Trần Thị Mai:**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 4187/UBND-TH, ngày 22/9/2021 Sở TN&MT đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND thành phố Thái Nguyên, xã Tân Cương kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu tại kết luận kiểm tra số 36/KL-STNMT ngày 31/5/2021 của Sở TN&MT. Kết quả cho thấy: bà Mai đã hoàn thành xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung; tháo dỡ các đường cống xả nước thải chưa qua xử lý ra ngoài khu vực trang trại; đã được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác nước dưới đất; thực hiện quan trắc giám sát môi trường định kỳ... Tuy nhiên, trang trại chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên; chưa xuất lưả lợn đã thả trước thời điểm kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường (tháng 5/2021).

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã yêu cầu trang trại lập kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để được kiểm tra, chấp thuận theo quy định; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên trong tháng 10/2021. Tuy nhiên, cho đến nay bà Trần Thị Mai chưa báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ tài chính về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên; Sở Tài nguyên và Môi trường chưa nhận được hồ sơ kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của trang trại.

UBND tỉnh yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục kiểm tra việc thực hiện khắc phục, hướng dẫn trang trại hoàn thiện đầy đủ thủ tục về công tác bảo vệ môi trường, xong trước ngày 31/12/2021.

**(4) Đối với trang trại gia đình bà Nguyễn Thị Nhạn:**

Theo kết quả kiểm tra (theo Quyết định kiểm tra số 741/QĐ-STNMT ngày 16/7/2021) việc chấp hành các kết luận kiểm tra về bảo vệ môi trường và quyết định xử lý vi phạm hành chính của UBND tỉnh đối với bà Nhạn cho thấy:

Bà Nhạn mới thực hiện nộp 20 triệu/339 triệu tiền xử phạt vi phạm; chưa xuất hết số lợn đang chăn nuôi (**dự kiến đến tháng 11/2020 sẽ đủ tuổi xuất chuồng**); chưa lập báo cáo ĐTM.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 3275/STNMT-BVMT ngày 17/9/2021 yêu cầu bà Nhạn nghiêm túc thực hiện đầy đủ các yêu cầu tại Quyết định số 1683/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh gồm: hoàn thành việc nộp số tiền phạt còn thiếu trong tháng 9/2021; khẩn trương lập báo cáo ĐTM theo quy định; xuất hết lứa lợn đang nuôi trước 30/11/2021 và sau đó dừng hoạt động, không được tái đàn trong thời hạn 09 tháng để khắc phục các tồn tại nêu trên. Đồng thời, Sở TNMT có văn bản số 3287/STNMT-BVMT ngày 17/9/2021 thông tin tới các đơn vị có hoạt động chăn nuôi lợn gia công trên địa bàn tỉnh (như Công ty CP, MAVIN, CJ, JAPHA...) về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với trang trại của bà Nhạn để chủ động trong việc hợp đồng chăn nuôi với bà Nhạn.

UBND tỉnh tiếp tục giao UBND thành phố giám sát hoạt động của trại chăn nuôi gia đình bà Nhạn, không cho phép thả thêm lợn tái đàn, đảm bảo sau ngày 30/11/2021 bà Nhạn phải dừng hoạt động chăn nuôi, tổ chức cưỡng chế nếu bà Nhạn không chấp hành, không cho phép hoạt động trở lại khi bà Nhạn chưa thực

		<p>hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả theo yêu cầu của UBND tỉnh; giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình cấp chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại, kiên quyết không cấp chứng nhận cho bà Nhận khi chưa khắc phục xong các tồn tại theo yêu cầu của UBND tỉnh.</p> <p>UBND tỉnh yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục giám sát hướng dẫn bà Nhận nghiêm túc thực hiện đầy đủ các yêu cầu tại Quyết định số 1683/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh, hoàn thiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tập trung. Xong trước ngày 31/12/2021.</p>
18	<p>Cử tri xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai và các xã có đất của Lâm trường Võ Nhai (cũ) đề nghị tỉnh giải quyết dứt điểm thủ tục cấp đất Lâm trường để Nhân dân được quản lý, sử dụng theo quy định.</p>	<p>Phần diện tích còn lại 304,34 ha, UBND huyện Võ Nhai đã có Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 25/6/2021 kèm theo phương án sử dụng đất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.</p> <p>Hiện nay, UBND huyện Võ Nhai đang hoàn thiện theo yêu cầu Văn bản số 3199/STNMT-QLĐĐ ngày 14/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường, thời gian hoàn thiện phương án sử dụng đất xong trong tháng 11/2021.</p> <p>Sau khi phương án sử dụng đất được các cơ quan chuyên môn thẩm định đảm bảo đúng quy định của pháp luật, UBND tỉnh sẽ phê duyệt và giao UBND huyện Võ Nhai thực hiện việc giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân.</p>
19	<p>Cử tri phường Bắc Sơn, xã Minh Đức, xã Phúc Tân, thị xã Phổ Yên:</p> <p>1. Đề nghị UBND tỉnh có chủ trương giải quyết các vấn đề tồn đọng do làm nhà trái phép trong diện tích trước đây của Xí nghiệp Chè Bắc Sơn quản lý, sớm bố trí kinh phí đo vẽ bản đồ để bàn giao đất về cho địa phương quản lý;</p> <p>2. Đề nghị tỉnh quan tâm, chỉ đạo các ngành liên quan rà soát cắm mốc địa giới giữa rừng phòng hộ và rừng đặc dụng trên địa bàn xã; xem xét giải quyết việc Nhân dân đã được bàn giao đất của Nông trường</p>	<p>Tính đến nay, UBND tỉnh đã thu hồi tổng diện tích 2.247 ha do các Nông, Lâm trường quốc doanh trên địa bàn thị xã Phổ Yên bàn giao cho địa phương quản lý (trong đó có 481 ha của Công ty TNHH May Bắc Sơn, trước đây là Nông trường Bắc Sơn tại các xã: Minh Đức, Phúc Thuận và phường Bắc Sơn đã được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 là 280 ha và Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 là 201ha).</p> <p>Ngày 27/10/2021, UBND tỉnh có Văn bản số 5255/UBND-CNN&amp;XD chỉ đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã đẩy nhanh tiến độ lập phương án sử dụng đất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình phê duyệt đối với diện tích đất mà UBND tỉnh đã thu hồi của các công ty nông, lâm nghiệp, bàn giao cho địa phương để làm cơ sở để giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức và người dân theo quy định.</p> <p>Về cắm mốc phân định ranh giới rừng đặc dụng: Căn cứ vào bản đồ quy hoạch</p>

	<p>Quốc doanh Bắc Sơn nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất.</p>	<p>3 loại rừng (Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 8/8/2007 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng năm 2006; Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 và đến năm 2020), trên địa bàn xã Phúc Tân, thị xã Phổ Yên không có diện tích rừng đặc dụng. Do đó, không thực hiện cắm mốc phân định ranh giới rừng đặc dụng trên địa bàn xã.</p> <p>Về cắm mốc phân định ranh giới rừng phòng hộ, rừng sản xuất: Năm 2011, trên địa bàn xã Phúc Tân đã thực hiện cắm 06 mốc và 01 bảng phân định ranh giới rừng phòng hộ, rừng sản xuất tại các xóm 1 (02 mốc), xóm 3 (01 bảng), xóm 5 (01 mốc), xóm 7 (02 mốc), xóm 11 (01 mốc). Ngày 02/3/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm phối hợp với UBND xã Phúc Tân kiểm tra thực địa, kết quả các mốc, bảng vẫn nguyên vị trí.</p> <p>Theo quy định Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật Quy hoạch năm 2017, sau khi tích hợp số liệu rà soát 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh vào Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND tỉnh sẽ triển khai việc cắm mốc phân định ranh giới 03 loại rừng theo quy định và UBND huyện sẽ giải quyết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân theo thẩm quyền quy định.</p>
<p><b>Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh đang trong quá trình kiểm tra dự án. Sau khi có kết luận, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan giải quyết đề nghị của cử tri (08 ý kiến)</b></p>		
20	<p>Cử tri thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Vinaconex 3 (Dự án đường quy hoạch và cơ sở hạ tầng khu dân cư số 5 do Công ty Cổ phần xây dựng số 3 - Vinaconex 3 làm chủ đầu tư)</p>	
21	<p>Cử tri xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên đề nghị tỉnh hỗ trợ chênh lệch giá bồi thường, giải phóng mặt bằng theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ;</p>	

	hỗ trợ đối với các hộ nghèo bị thu hồi đất; xem xét năng lực Nhà đầu tư và thu hồi quyền sử dụng đất dự án đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu B – KCN Nam Phổ Yên do Công ty TNHH MTV ô tô Xuân Kiên Vinaxuki Thái Nguyên làm chủ đầu tư	
22	Cử tri thị xã Phổ Yên đề nghị UBND tỉnh thu hồi hoặc yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các khu quy hoạch không triển khai, chậm triển khai hoặc có triển khai nhưng không đúng cam kết theo quy định, cụ thể: Dự án Yên Bình I, II, III; Dự án Cây Xanh Khánh Phương	
23	Cử tri thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Khu đô thị, biệt thự cao cấp và khách sạn sinh thái Hoàng Gia	
24	Cử tri xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên tiếp tục đề nghị tỉnh sớm triển khai bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân bị ảnh hưởng của Dự án đầu tư xây dựng Khu bến cảng bốc xếp hàng hóa Yên Bình tại khu vực Mom Kiệu	
25	Cử tri xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên đề nghị tỉnh giải quyết dứt điểm việc chi trả bồi thường cho các hộ dân khi thực hiện Dự án Trường trung cấp nghề CIENCO8	
26	Cử tri xã Tân Thái, huyện Đại Từ phản ánh việc Doanh nghiệp tư nhân Anh Thắng khởi công xây dựng dự án Bến tàu du lịch Hồ Núi Cốc tại xóm Tân Lập, xã	

	Tân Thái từ năm 2012 nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành. Đề nghị tỉnh kiểm tra, có phương án giải quyết	
27	<p>Cử tri phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị xem xét dự án Khu dân cư Quang Trung - Quang Vinh xây dựng vào hành lang suối Mỏ Bạch làm thay đổi dòng chảy và sát vào đất thổ cư của Nhân dân.</li> <li>- Đề nghị tỉnh chỉ đạo Doanh nghiệp Anh Thắng đẩy nhanh tiến độ thi công Dự án Khu dân cư Quang Trung - Quang Vinh, để Nhân dân sớm ổn định cuộc sống</li> </ul>	
<b>II</b>	<b>Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ GỬI TỚI KỶ HỌP THỨ 2, HĐND TỈNH KHÓA XIV (11 ý kiến)</b>	
28	<p>Cử tri xã Tân Long đề nghị tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường việc quản lý, giám sát công tác bảo vệ môi trường, có biện pháp xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các mỏ khai thác đá trên địa bàn xã.</p>	<p>Trên địa bàn xã Tân Long hiện có 14 mỏ khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác (có 02 mỏ chì kềm và 12 mỏ đá vôi), đang hoạt động: 10 mỏ, chưa hoạt động: 04 mỏ.</p> <p>Hiện nay, Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 2953/QĐ-UBND, ngày 19/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về thành lập Đoàn kiểm tra các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đang trong quá trình kiểm tra, trong đó có xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ. Trong quá trình kiểm tra, giám sát việc khắc phục của các mỏ, nếu phát hiện vi phạm gây ô nhiễm môi trường sẽ xử lý nghiêm theo quy định. Sau khi Đoàn kiểm tra có kết luận, UBND tỉnh sẽ tiến hành giải quyết theo các quy định của pháp luật và thông tin đến cử tri được biết.</p>
29	Cử tri xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy đề nghị di dời nhà máy của Công ty TNHH Kim loại màu Việt Bắc trên địa bàn xã vì	Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với UBND huyện Phú Bình và các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra vấn

	hiện nay hoạt động sản xuất của nhà máy đang gây ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến đời sống của Nhân dân.	đề môi trường của Công ty TNHH Kim loại màu Việt Bắc trên địa bàn xã. Sau khi có kết quả kiểm tra, UBND tỉnh sẽ giải quyết đề nghị trên của cử tri theo đúng quy định của pháp luật.
30	Cử tri Hoàng Văn Mến xóm Đồng Quốc, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương phản ánh hồ sơ đề nghị truy tặng Bằng khen tham gia kháng chiến chống Mỹ của ông Hoàng Văn Tênh, xóm Đồng Quốc, xã Yên Trạch đã gửi Sở Nội vụ nhiều năm nhưng chưa được giải quyết. Đề nghị tỉnh quan tâm, chỉ đạo giải quyết.	<p>Theo báo cáo số 1986/SNV-XDCQ&amp;CTTN ngày 28/9/2021 của Sở Nội vụ, hồ sơ khen thưởng của ông Hoàng Văn Tênh được UBND huyện Phú Lương trình tại Văn bản số 614/TTr-UBND ngày 29/6/2012, tuy nhiên do sơ xuất trong khâu thẩm định nên đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Về nội dung trên Sở Nội vụ đã nhận trách nhiệm và đang phối hợp với UBND huyện Phú Lương và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ của ông Tênh.</p> <p>Về nội dung này, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ nhanh chóng phối hợp với UBND huyện Phú Lương và các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định hồ sơ của ông Hoàng Văn Tênh. Trường hợp đủ điều kiện khen thưởng sẽ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng theo quy định; trường hợp không đủ điều kiện, Sở Nội vụ có trách nhiệm thông tin nội dung cụ thể để cử tri được biết.</p>
31	Cử tri phường Trưng Vương đề nghị tỉnh xem xét việc quy hoạch xây dựng một số dự án trên địa bàn phường đã được cấp phép từ nhiều năm nay nhưng chưa triển khai thực hiện.	Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, hiện nay Sở Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với UBND thành phố Thái Nguyên và các đơn vị liên quan tiến hành rà soát, kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh giải quyết đề nghị trên của cử tri. Sau khi có kết quả, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo giải quyết đề nghị của cử tri theo đúng quy định của pháp luật.
32	Cử tri phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh xem xét, có phương án giải quyết dứt điểm Dự án của Tập đoàn APEC và Dự án Công ty Cổ phần thương mại Du lịch và Đầu tư Bắc Thăng Long đã được phê duyệt chủ trương đầu tư từ năm 2011 nhưng đến nay chưa triển khai thực hiện.	<p><b>* Dự án của Tập đoàn APEC</b></p> <p>Dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ, văn phòng cho thuê, khách sạn cao cấp phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên (<i>dự án</i>) do Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (<i>tên viết tắt là Công ty APEC</i>) làm chủ đầu tư được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đầu tư số 17 121 000 030, chứng nhận lần đầu ngày 03/08/2010, chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 27/10/2010 và có Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình số 2781/QĐ-UBND ngày 02/11/2011.</p> <p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, năm 2017, Sở Tài nguyên và Môi trường đã</p>

tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật đối với Công ty trong việc thực hiện dự án từ năm 2012 đến năm 2017. Tại Kết luận Thanh tra số 86/KL-STNMT ngày 31/8/2018 đã chỉ ra những sai phạm về thủ tục đất đai, môi trường và chậm tiến độ thực hiện dự án như đã cam kết. Ngày 16/01/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường có báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện Kết luận số 86/KL-STNMT của Công ty. Theo báo cáo đến nay, Công ty vẫn chưa hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục điều chỉnh diện tích đất đã được UBND tỉnh giao cho phù hợp với quy hoạch xây dựng, chưa tổ chức nghiệm thu, bàn giao các hạng mục công trình của dự án, chưa hoàn thiện hồ sơ bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra tỉnh, UBND thành phố Thái Nguyên và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, xem xét đưa dự án vào danh sách kiểm tra những dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách theo Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 15/8/2021 của UBND tỉnh.

**\* Dự án của Công ty Cổ phần Thương mại, Du lịch và Đầu tư Bắc Thăng Long**

Ngày 26/12/2012, UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư số 17121000033 cho Công ty Cổ phần Thương mại, Du lịch và Đầu tư Bắc Thăng Long đầu tư Dự án Khu đô thị, biệt thự cao cấp và khách sạn sinh thái Hoàng Gia, tại phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên. Hiện nay, Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 đang tổ chức kiểm tra Dự án trên theo Kế hoạch số 93/KH-ĐKT ngày 18/6/2021 của Đoàn Kiểm tra, tiến độ kiểm tra xong trong năm 2021. Sau khi có Kết quả kiểm tra đối với dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp với các sở, ngành, UBND thành phố Thái Nguyên báo cáo UBND tỉnh quyết định và trả lời cử tri theo quy định.

33	<p>Cử tri phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh xem xét việc quy hoạch xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên từ nhiều năm nay nhưng chưa được triển khai thực hiện.</p>	<p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, hiện nay Sở Xây dựng đang phối hợp với UBND thành phố Thái Nguyên, Đại học Thái Nguyên và các đơn vị liên quan tiến hành, rà soát, kiểm tra việc quy hoạch Đại học Y - Dược Thái Nguyên. UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị sớm tham mưu giải quyết đề nghị trên của cử tri trong thời gian tới.</p>
34	<p>Cử tri phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên phản ánh: Khu dân cư số 3 của phường được xây dựng và sử dụng từ năm 2016, tuy nhiên hệ thống cấp điện tại đây chưa được sử dụng theo hệ thống nguồn điện của khu dân cư, hiện vẫn đang sử dụng theo các nguồn điện cũ. Đề nghị tỉnh quan tâm, giải quyết.</p>	<p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 5086/UBND-CNN&amp;XD ngày 19/10/2021. Hiện nay, Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Thái Nguyên đang phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức rà soát, hoàn thiện hồ sơ thủ tục, khẩn trương nghiệm thu bàn giao công trình cho UBND thành phố Thái Nguyên (<i>trong đó có hệ thống chiếu sáng, điện sinh hoạt</i>) quản lý theo quy định.</p>
35	<p>Cử tri phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên đề nghị xây dựng rào chắn hai bên bờ kênh Núi Cốc thuộc địa phận Tổ dân phố 05,06,07.</p>	<p>UBND tỉnh đã chỉ đạo Công ty Khai thác Thủy lợi Thái Nguyên phối hợp với UBND thành phố và các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, xem xét và tham mưu UBND tỉnh giải quyết đề nghị trên của cử tri tại Văn bản số 5086/UBND-CNN&amp;XD ngày 19/10/2021.</p>

36

Cử tri xã Trung Thành đề nghị tỉnh quan tâm, giải quyết những tồn tại đối với Khu công nghiệp Trung Thành, cụ thể là: Có phương án giải quyết đối với diện tích đất chưa đưa vào sử dụng; hoàn thiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó chú trọng xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường để sớm thu hút các công ty, doanh nghiệp đi vào hoạt động. Đối với phần diện tích đất của xóm Hưng Thịnh, Hợp Thịnh đã được quy hoạch nhưng hiện nay khi triển khai thực hiện Dự án không sử dụng đến phần diện tích đất của 02 xóm này, đề nghị tỉnh có thông báo cụ thể bằng văn bản cho Nhân dân được biết để yên tâm và ổn định cuộc sống.

### **1. Về chi trả bồi thường, hỗ trợ đất công:**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND thị xã Phổ Yên đã thành lập đoàn kiểm tra, rà soát về công tác kê khai, lập phương án bồi thường GPMB dự án Khu công nghiệp Trung Thành phần đất tại khu vực Đầm Di do UBND xã Trung Thành quản lý. Qua kết quả kiểm tra, việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất Đầm Di, xã Trung Thành thuộc phạm vi Khu công nghiệp Trung Thành là chưa đúng và không có cơ sở thanh toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân theo phương án bồi thường, hỗ trợ phê duyệt. UBND thị xã sẽ thông báo đến Nhân dân các nội dung có liên quan để Nhân dân biết và thực hiện.

- Đối với các hộ gia đình thu hồi đất ở nhưng nay điều chỉnh ra khỏi quy hoạch Khu công nghiệp Trung Thành: Các hộ gia đình đều đồng thuận đề nghị xem xét hủy bỏ quyết định thu hồi đất, đồng thời sẽ hoàn trả toàn bộ kinh phí bồi thường, hỗ trợ liên quan đến diện tích đất thu hồi và kinh phí bồi thường tài sản đã ứng trước. UBND tỉnh giao UBND thị xã Phổ Yên phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành giải quyết đề nghị trên theo đúng trình tự quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết nếu có khó khăn vướng mắc yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể.

### **2. Liên quan đến xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp:**

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Trung Thành (Khu C Khu công nghiệp Nam Phổ Yên) được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư số 172022000168 ngày 15/11/2007 cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển hạ tầng Lê Trạch. Hiện nay, Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 tiến hành kiểm tra Dự án theo Kế hoạch số 93/KH-ĐKT ngày 18/6/2021 của Đoàn. Sau khi Đoàn kiểm tra có kết luận, UBND tỉnh sẽ tiến hành giải quyết theo các quy định của pháp luật và sẽ thông tin đến cử tri được biết.

### **3. Đối với tồn tại của các khu tái định cư Hưng Thịnh và Hợp Thịnh:**

Để đáp ứng nhu cầu tái định cư của các hộ gia đình trong quá trình GPMB Khu công nghiệp Trung Thành, UBND thị xã Phổ Yên đã lập quy hoạch chi tiết, thực hiện thu hồi đất và bồi thường GPMB hai Khu tái định cư.

- Khu tái định cư Hưng Thịnh: 36 lô, diện tích 1,05 ha. định cư Hợp Thịnh: 52 lô, diện tích 1,55 ha.

Tuy nhiên, tại hai Khu tái định cư còn tồn tại 12 hộ dân đã được thu hồi đất, lập

		<p>phương án bồi thường, hỗ trợ từ năm 2012 nhưng chưa nhận tiền và bàn giao mặt bằng (Khu tái định cư Hưng Thịnh: 08 hộ, Khu tái định cư Hợp Thịnh: 04 hộ). UBND thị xã Phổ Yên đã tổ chức họp với các hộ dân trên để giải quyết vướng mắc và được Nhân dân đồng thuận trong việc bàn giao mặt bằng. Đồng thời, UBND thị xã đã cấp kinh phí bồi thường, hỗ trợ của các hộ gia đình với số tiền trên 400 triệu đồng từ nguồn ngân sách thị xã Phổ Yên để chi trả cho Nhân dân. Đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, không bàn giao mặt bằng, UBND thị xã đang hoàn thiện hồ sơ đề cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật và hoàn thiện công tác bồi thường GPMB dự án. Sau khi thực hiện xong công tác bồi thường GPMB của dự án, UBND thị xã sẽ thực hiện đấu giá đất theo quy định.</p>
<p>37</p>	<p>Cử tri xã Phúc Thuận đề nghị tỉnh kiểm tra, có phương án giải quyết đối với Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Đông Tam Đảo của Công ty Bắc Thăng Long kéo dài nhiều năm nay nhưng chưa triển khai thực hiện.</p>	<p>Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Đông Tam Đảo được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đầu tư từ năm 2011 cho Công ty Bắc Thăng Long. Tuy nhiên đến nay, dự án chưa triển khai thực hiện. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với UBND thị xã Phổ Yên và các đơn vị liên quan, tổ chức kiểm tra, rà soát tham mưu UBND tỉnh giải quyết đề nghị trên của cử tri.</p>
<p>38</p>	<p>Cử tri xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai đề nghị tỉnh đầu tư, sửa chữa nâng cấp tuyến đường ĐT265 (đoạn từ thị trấn Đình Cả đến hết xã Bình Long).</p>	<p>Danh mục công trình sửa chữa nền mặt đường, cạp mở rộng các đoạn Km0+00 - Km0+240; Km13+800 - Km13+900; Km14+090 - Km14+700; Km15+00 - Km15+300; Km19+550 - Km19+620; Km20+00 - Km20+200; Km21+00 - Km21+500; Km21+900 - Km21+980; Km22+050 - Km22+160; sửa chữa, xây rãnh dọc các đoạn Km0+00 - Km0+240; Km13+800 - Km13+900; Km15+00 - Km15+300; Km21+00 - Km21+500 và sửa chữa cống ngang Km21+070 đường ĐT265 được UBND tỉnh phê duyệt bổ sung danh mục công trình sử dụng nguồn kinh phí bảo trì các tuyến đường tỉnh năm 2021 tại Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 7.500 triệu đồng, từ nguồn vốn sự nghiệp không thường xuyên đã giao cho Sở Giao thông vận tải tại Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên, trong đó năm</p>

		2021 bố trí số tiền 3.479 triệu đồng từ nguồn dư các công trình sử dụng nguồn sự nghiệp giao thông năm 2021. Phần kinh phí còn thiếu khoảng 4.021 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp giao thông năm 2022 do UBND tỉnh giao cho Sở Giao thông vận tải. Tiến độ thực hiện công trình từ năm 2021-2022.
--	--	---

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 193/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng  
tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-BXD ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2020;*

*Xét Tờ trình số 241/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Từng bước hoàn thiện hạ tầng giao thông theo Quy hoạch chung thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035, Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Diềm Thụy đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực thị xã Phổ Yên, huyện Phú Bình nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung; khai thác hiệu quả quỹ đất hai bên đường; đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ; giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường, khói bụi, tiếng ồn trong khu vực.

2. Quy mô đầu tư

Tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266 có tổng chiều dài khoảng 2,1 km, trong đó: Điểm đầu tuyến là Km 0+00 giao với đường ĐT.261 tại Km 47+350,54, trùng với điểm cuối của dự án Đường nối QL3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình đoạn từ Km 3+516,9 đến Km 5+434,18 và ĐT.261 - giai đoạn II đang được triển khai đầu tư xây dựng; điểm cuối tuyến Km 2+100 giao với đường ĐT.266 tại Km 2+850 (đầu Cầu Kênh).

Trên cơ sở nguồn lực và nhu cầu trước mắt, phân kỳ đầu tư dự án làm 02 giai đoạn: Giai đoạn I (2023 - 2024) thực hiện đầu tư xây dựng 1/2 quy mô mặt cắt ngang bên trái theo quy hoạch; Giai đoạn II (2025 - 2026) thực hiện đầu tư hoàn thiện tuyến đường theo quy hoạch. Cụ thể như sau:

*\* Quy mô đầu tư khi hoàn thiện dự án:*

- Đoạn Km 0+00 đến Km 0+800: Bề rộng nền đường (Bn) 47 m; bề rộng mặt đường (Bm) 31 m; bề rộng dải phân cách giữa (Bdpc) 4 m; bề rộng vỉa hè (Bvh)  $2 \times 6 \text{ m} = 12 \text{ m}$ .

- Đoạn Km 0+800 đến Km 2+100: Bề rộng nền đường (Bn) 47 m (không bao gồm kênh thủy lợi và hành lang bảo vệ kênh); bề rộng mặt đường (Bm) 31 m; bề rộng vỉa hè (Bvh)  $2 \times (3 \text{ m} + 5 \text{ m}) = 16 \text{ m}$ .

- Mặt đường thảm bê tông nhựa.

- Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang: Đầu tư đồng bộ, đảm bảo yêu cầu thoát nước.

- Hệ thống an toàn giao thông, điện chiếu sáng, cây xanh: Đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

- Tại các vị trí cắt ngang kênh thủy lợi, bố trí các công trình cầu và cống hộp.

\* *Quy mô đầu tư Giai đoạn I (2023 - 2024):*

- Đoạn Km 0+00 đến Km 0+800: Bề rộng nền đường (Bn) 23,5 m; bề rộng mặt đường (Bm) 15,5 m; bề rộng dải phân cách giữa (Bdpc) 2 m; bề rộng vỉa hè (Bvh) = 6 m.

- Đoạn Km 0+800 đến Km 2+100: Bề rộng nền đường (Bn) 23,5 m; bề rộng mặt đường (Bm) 15,5 m; bề rộng vỉa hè (Bvh) 5,0 m + 3 m = 8 m.

- Mặt đường thảm bê tông nhựa.

- Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang: Đầu tư đồng bộ, đảm bảo yêu cầu thoát nước.

- Hệ thống an toàn giao thông, điện chiếu sáng, cây xanh: Đầu tư hoàn chỉnh trên 1/2 nền mặt đường giai đoạn I.

- Tại các vị trí cắt ngang kênh thủy lợi, bố trí các công trình cầu và cống hộp.

\* *Quy mô đầu tư Giai đoạn II (2025 - 2026):* Thực hiện đầu tư các hạng mục còn lại để đạt quy mô tuyến đường theo quy hoạch.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 392.729 triệu đồng, trong đó:

- Phân kỳ đầu tư giai đoạn I (2023 - 2024): 224.000 triệu đồng.

- Phân kỳ đầu tư giai đoạn II (2025 - 2026): 168.729 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030, trong đó:

- Giai đoạn I (2021 - 2025): Ngân sách địa phương từ nguồn thu sử dụng đất và bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác: 224.000 triệu đồng.

- Giai đoạn II (2026 - 2030): Ngân sách địa phương từ nguồn thu sử dụng đất và bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác: 168.729 triệu đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thị xã Phổ Yên và huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2026.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2023 - 2025: Hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt dự án và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

- Năm 2026: Nghiệm thu, bàn giao dự án đưa vào sử dụng.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật liên quan.

**Điều 3.** Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 195/NQ - HĐND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng quần thể  
Khu Văn hóa - Thể thao - Công viên cây xanh thị xã Phổ Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng quần thể Khu Văn hóa - Thể thao - Công viên cây xanh thị xã Phổ Yên;*

*Xét Tờ trình số 242/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng quần thể Khu Văn hóa - Thể thao - Công viên cây xanh thị xã Phổ Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng quần thể Khu Văn hóa - Thể thao - Công viên cây xanh thị xã Phổ Yên, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh quy mô dự án (*giảm các hạng mục đầu tư*) như sau:

- Sân văn hóa sinh hoạt ngoài trời: Diện tích giảm khoảng 4,05 ha.

- Hồ điều hòa: Diện tích đầu tư giảm khoảng 15 ha bao gồm: Đào san gạt xây dựng hệ thống hồ điều hòa nhân tạo khu vực trung tâm khu vực; xây dựng hệ thống kè chắn đảm bảo tính chịu lực, kiến trúc cảnh quan của công trình; xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo tính kết nối, đồng bộ hiện đại với các hạ tầng hiện trạng và các hệ thống hạ tầng các dự án thành phần có liên quan.

- Khuôn viên cây xanh: Diện tích đầu tư giảm khoảng 5,95 ha bao gồm: Đào đắp khuôn viên cảnh quan; trồng cây khuôn viên.

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn

- Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 400.000 triệu đồng (*giảm 146.000 triệu đồng*)

- Cơ cấu nguồn vốn

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 254.000 triệu đồng.

+ Ngân sách thị xã Phổ Yên và các nguồn vốn hợp pháp khác: 146.000 triệu đồng.

3. Các nội dung khác giữ nguyên như Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2:** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 196/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên  
giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội Khóa XV phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 229/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

*(Có tóm tắt Đề án kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **TÓM TẮT**

**Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025**  
(*Kèm theo Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên*)

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng nông thôn mới thông minh. Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Có thêm 29 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế đến hết năm 2025 có 95% số xã trở lên được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (131 xã), trong đó: Có 40% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (52 xã), trên 10% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (15 xã).

- Số tiêu chí bình quân toàn tỉnh đạt 18,5 tiêu chí/xã.

- Có thêm 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế đến hết năm 2025 có 06 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và đạt chuẩn nông thôn mới.

### **II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện**

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Cấp ủy Đảng các cấp ban hành nghị quyết lãnh đạo, triển khai thực hiện; các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, đề án, đề ra mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp hằng năm và cả giai đoạn

để triển khai thực hiện; xác định nội dung xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị quan trọng của các sở, ngành và địa phương.

- Kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp; Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, huyện và đội ngũ cán bộ xây dựng nông thôn mới cấp xã, xóm theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

- Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh, Ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 (gồm: Bộ tiêu chí hộ gia đình nông thôn mới, xóm nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu), các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình về xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn (giao thông, thủy lợi, nhà văn hóa...) và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.

- Căn cứ mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ Đề án của tỉnh, Ban Chỉ đạo cấp huyện, xã xây dựng kế hoạch, xác định khối lượng công việc, lộ trình thời gian cần hoàn thành, đưa ra giải pháp cụ thể, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế, theo từng nhóm xã, huyện (*xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới*) để tổ chức triển khai thực hiện.

## 2. Công tác tuyên truyền, vận động

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức, sát với thực tế, phù hợp với từng đối tượng để nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân. Quán triệt quan điểm: Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, toàn diện, lâu dài trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; là quá trình thường xuyên, liên tục, “có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc”.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” và các phong trào, các cuộc vận động khác trên địa bàn nông thôn, khơi dậy khát vọng vươn lên của người dân; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và nâng cao chất lượng phong trào thi đua “*Thái Nguyên chung sức xây dựng nông thôn mới*”; nâng cao vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt công tác thi đua, đề xuất mức khen thưởng đúng đối tượng, phù hợp với điều kiện thực tế để động viên kịp thời các tổ chức và cá nhân làm tốt, có nhiều đóng góp cho Chương trình nông thôn mới, những địa phương hoàn thành trước kế hoạch,... Xây dựng và nhân rộng những cách làm hay, mô hình điểm, mô hình mẫu về xây dựng nông thôn mới: Mô hình hộ gia đình nông thôn mới, mô hình xóm nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu,... lấy mô hình xây dựng “xóm nông thôn mới kiểu mẫu” làm hạt nhân tạo ra diện mạo mới, giúp người dân nông thôn có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

### 3. Thực hiện tốt quy hoạch nông thôn gắn với quy hoạch phát triển đô thị

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý, thực hiện quy hoạch nông thôn; đảm bảo công khai, dân chủ, có sự tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến của người dân. Ưu tiên quy hoạch quỹ đất xây dựng các công trình văn hóa, thể thao, công trình công cộng, khu sản xuất tập trung,...

### 4. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ); chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ); các cơ chế, chính sách ban hành theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các cơ chế, chính sách ban hành theo các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh như: Đề án “*Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030*”, Đề án: “*Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019 - 2025*” và các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn nông thôn.

- Tiếp tục ban hành cơ chế, chính sách của tỉnh về hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới để tập trung hỗ trợ, thu hút thêm nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Các huyện, thành phố, thị xã, các xã căn cứ vào điều kiện thực tế và khả năng ngân sách của địa phương, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ

triển khai thực hiện để đạt được các mục tiêu của Đề án. Rà soát quỹ đất lập quy hoạch thực hiện các dự án khu dân cư, khu đô thị để tăng cường huy động nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới.

#### 5. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn

Tập trung huy động, thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn để xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn như: Hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng viễn thông, các thiết chế phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư,... đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, vừa tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, vừa phục vụ đời sống sinh hoạt của người dân nông thôn, để đạt các mục tiêu của Đề án và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn.

#### 6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn

Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, như: Giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; quy trình sản xuất an toàn, chất lượng; công nghệ sau thu hoạch, chế biến và bảo quản sản phẩm; tập trung phát triển tổ chức sản xuất theo các mô hình kinh tế tập thể, mô hình liên kết chuỗi giá trị, tạo động lực để cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh gắn với chuyển đổi số, kinh tế số trong nông nghiệp; phát triển các sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP của địa phương tạo giá trị gia tăng cao, đảm bảo bền vững.

#### 7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thực hiện

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án, trọng tâm là việc thực hiện cơ chế, chính sách, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực; quản lý, sử dụng, nâng cao chất lượng các công trình.

- Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ kịp thời ban hành hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án đảm bảo thiết thực, hiệu quả, sát thực tế và đúng quy định.

- Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới. Tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả

xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án theo quy định. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, đánh giá chất lượng các tiêu chí và công nhận các địa phương đạt chuẩn nông thôn mới.

### **III. Kinh phí thực hiện Đề án**

Tổng nguồn vốn dự kiến: 52.559 tỷ đồng, với cơ cấu như sau:

1. Nguồn vốn thực hiện 7.559 tỷ đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 1.231 tỷ đồng
- Ngân sách địa phương: 1.826 tỷ đồng
- Vốn lồng ghép: 1.527 tỷ đồng
- Vốn huy động từ người dân, doanh nghiệp: 2.975 tỷ đồng

2. Vốn tín dụng (Ngân hàng cho người dân, doanh nghiệp vay phát triển sản xuất,...): 45.000 tỷ đồng./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 198/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2021

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2022 tỉnh Thái Nguyên**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024;*

*Xét Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban*

*nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị phân bổ dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phân bổ dự toán ngân sách năm 2022 tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh: 18.000 tỷ đồng. Trong đó:
  - Thu nội địa: 15.660 tỷ đồng;
  - Thu hoạt động xuất nhập khẩu: 2.340 tỷ đồng.
2. Tổng chi ngân sách địa phương: 18.264 tỷ đồng, trong đó:

- Chi cân đối ngân sách địa phương: 16.204 tỷ đồng;
- Chi Chương trình mục tiêu Quốc gia, nhiệm vụ khác: 2.060 tỷ đồng.

**Điều 2.** Quyết định phương án phân bổ ngân sách năm 2022 tỉnh Thái Nguyên, chi cho khối tỉnh là 3.120 tỷ đồng và bổ sung dự toán cho ngân sách các huyện, thành phố, thị xã là: 3.620 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII kèm theo)*

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện phân bổ dự toán ngân sách năm 2022 tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với mục bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định được giao tại Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ với số tiền 99.069 triệu đồng: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết sau khi có Quyết định của Bộ Tài chính.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I**

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số: 198/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022	Trong đó	
			Khối tỉnh	Khối huyện
1	2	3=4+5	4	5
	<b>Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	<b>18,000,000</b>	<b>11,164,900</b>	<b>6,835,100</b>
	<i>Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trừ tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết</i>	<i>13,327,000</i>	<i>11,080,900</i>	<i>2,246,100</i>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>15,660,000</b>	<b>8,824,900</b>	<b>6,835,100</b>
1	Doanh nghiệp nhà nước Trung ương	1,100,000	1,095,800	4,200
2	Doanh nghiệp nhà nước địa phương	50,000	41,000	9,000
3	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4,140,000	4,130,800	9,200
4	Thu khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh	1,573,000	685,900	887,100
5	Thuế thu nhập cá nhân	1,250,000	992,100	257,900
6	Thu tiền sử dụng đất	4,660,000	71,000	4,589,000
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	17,200		17,200
8	Thu tiền cho thuê đất	899,000		325,000

			574,000	
9	Lệ phí trước bạ	482,000		482,000
10	Phí và lệ phí	252,000	183,400	68,600
13	Thuế bảo vệ môi trường	560,000	560,000	
14	Thu khác ngân sách	260,000	104,500	155,500
	<i>Trong đó thu từ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa</i>	<i>49,000</i>	<i>18,760</i>	<i>30,240</i>
15	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	393,300	373,400	19,900
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	13,000	13,000	
17	Thu khác ngân sách xã	10,500		10,500
<b>II</b>	<b>Thu hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	<b>2,340,000</b>	<b>2,340,000</b>	

**Phụ lục II****DỰ TOÁN CHI TIẾT THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN***(Kèm theo Nghị quyết số: 198/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022	Khối tỉnh	Khối huyện	Trong đó								
					Thành phố Thái Nguyên	Thành phố Sông Công	Thị xã Phổ Yên	Huyện Phú Bình	Huyện Phú Lương	Huyện Đại Từ	Huyện Định Hoá	Huyện Đồng Hỷ	Huyện Võ Nhai
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	<b>18,000,000</b>	<b>11,164,900</b>	<b>6,835,100</b>	<b>2,644,100</b>	<b>723,100</b>	<b>1,900,800</b>	<b>923,000</b>	<b>80,090</b>	<b>248,820</b>	<b>54,220</b>	<b>204,680</b>	<b>56,290</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>15,660,000</b>	<b>8,824,900</b>	<b>6,835,100</b>	<b>2,644,100</b>	<b>723,100</b>	<b>1,900,800</b>	<b>923,000</b>	<b>80,090</b>	<b>248,820</b>	<b>54,220</b>	<b>204,680</b>	<b>56,290</b>
1	Doanh nghiệp nhà nước Trung ương	1,100,000	1,095,800	4,200	2,700		1,000					500	
2	Doanh nghiệp nhà nước địa phương	50,000	41,000	9,000	2,600	3,500	500	500	300	1,000	230	150	220
3	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4,140,000	4,130,800	9,200		4,200	5,000						
4	Thu khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh	1,573,000	685,900	887,100	430,000	101,000	200,000	22,500	22,000	34,000	24,000	36,000	17,600
5	Thuế thu nhập cá nhân	1,250,000	992,100	257,900	160,000	20,000	42,000	6,500	6,300	11,000	3,100	5,800	3,200
6	Thu tiền sử dụng đất	4,660,000	71,000	4,589,000	1,556,500	500,000	1,500,000	800,000	15,000	100,000	7,500	100,000	10,000
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	17,200		17,200	11,300	2,000	2,800	500	90	220	40	130	120
8	Thu tiền cho thuê đất	899,000	574,000	325,000	150,000	25,100	30,000	40,000	6,500	50,000	400	17,000	6,000
9	Lệ phí trước bạ	482,000		482,000	230,000	36,000	80,000	34,000	19,000	36,000	12,500	25,500	9,000
10	Phí và lệ phí	252,000	183,400	68,600	24,000	10,000	9,500	4,000	3,300	4,600	2,300	7,600	3,300

11	Thuế bảo vệ môi trường	560,000	560,000										
12	Thu khác ngân sách	260,000	104,500	155,500	70,000	15,000	23,000	11,000	7,500	12,000	4,000	6,500	6,500
	<i>Trong đó thu từ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa</i>	<i>49,000</i>	<i>18,760</i>	<i>30,240</i>		<i>13,000</i>	<i>6,000</i>	<i>2,000</i>		<i>9,000</i>	<i>140</i>		<i>100</i>
13	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	393,300	373,400	19,900	1,000	6,000	2,800	4,000	100		150	5,500	350
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	13,000	13,000										
15	Thu khác ngân sách xã	10,500		10,500	6,000	300	4,200						
<b>II</b>	<b>Thu hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	<b>2,340,000</b>	<b>2,340,000</b>										

**Phụ lục III****DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 TỈNH THÁI NGUYÊN***(Kèm theo Nghị quyết số:198 /NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung chi	Dự toán năm 2022	Trong đó	
			Khối tỉnh	Khối huyện
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	<b>Tổng chi ngân sách địa phương</b>	<b>18,263,886</b>	<b>7,931,975</b>	<b>10,331,911</b>
<b>A</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>16,203,934</b>	<b>5,872,023</b>	<b>10,331,911</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>6,552,532</b>	<b>2,337,533</b>	<b>4,214,999</b>
1	Chi xây dựng cơ bản	710,808	710,808	
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4,608,170	561,225	4,046,945
	<i>Tr.đó: - Trích Quỹ phát triển đất tỉnh</i>	<i>400,000</i>	<i>400,000</i>	
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13,000	13,000	
4	Chi từ nguồn vay	333,500	333,500	
5	Chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền thuê đất một lần	742,054	574,000	168,054

6	Chi đầu tư khác	145,000	145,000	-
-	<i>Chi hỗ trợ các địa phương mua xi măng</i>	<i>105,000</i>	<i>105,000</i>	
-	<i>Kinh phí ủy thác qua ngân hàng chính sách</i>	<i>10,000</i>	<i>10,000</i>	
-	<i>Hỗ trợ tiền thuê hạ tầng cho các công ty thuộc Tập đoàn Samsung</i>	<i>30,000</i>	<i>30,000</i>	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>8,573,470</b>	<b>3,119,743</b>	<b>5,453,727</b>
1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	3,663,324	731,101	2,932,223
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	742,424	702,613	39,811
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32,186	32,186	
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao	235,862	214,502	21,360
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	70,627	59,327	11,300
6	Chi đảm bảo xã hội	421,585	82,253	339,332
7	Sự nghiệp kinh tế	1,154,845	545,834	609,011
	<i>Trong đó: chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận trích lục bản đồ từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>21,000</i>	<i>21,000</i>	
8	Chi quản lý hành chính	1,705,781	578,639	1,127,142
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	206,939	8,750	198,189
10	Chi quốc phòng an ninh địa phương	242,121	93,083	149,038
11	Chi khác của ngân sách	97,776	71,454	26,322
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>382,562</b>	<b>190,000</b>	<b>192,562</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	

<b>V</b>	<b>Chi trả nợ gốc và lãi, phí vay do chính quyền địa phương vay</b>	<b>38,533</b>	<b>7,703</b>	<b>30,830</b>
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>655,837</b>	<b>216,044</b>	<b>439,793</b>
<b>B</b>	<b>Chi chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ khác từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu</b>	<b>2,059,952</b>	<b>2,059,952</b>	<b>-</b>

**Phụ lục IV**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022 CÁC ĐƠN VỊ KHỐI TỈNH QUẢN LÝ VÀ CÁC ĐƠN VỊ KHÁC**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 198/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Đơn vị	Tổng số chi ngân sách khối tỉnh	Trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên	Số được chi từ ngân sách nhà nước	Trong đó								
					Quản lý hành chính	Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp phát thanh truyền hình, văn hóa thông tin và thể thao du lịch	Chi đảm bảo xã hội	Sự nghiệp kinh tế và đơn vị sự nghiệp khác	Sự nghiệp Quốc phòng an ninh	Chi khác của ngân sách
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3,137,029</b>	<b>17,286</b>	<b>3,119,743</b>	<b>578,639</b>	<b>731,101</b>	<b>702,613</b>	<b>32,186</b>	<b>273,829</b>	<b>82,253</b>	<b>554,584</b>	<b>93,083</b>	<b>71,454</b>
<b>I</b>	<b>KHỐI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>	<b>1,991,831</b>	<b>15,205</b>	<b>1,976,626</b>	<b>370,208</b>	<b>597,591</b>	<b>396,094</b>	<b>32,186</b>	<b>186,840</b>	<b>82,253</b>	<b>311,454</b>		
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội - Hội đồng nhân dân tỉnh	32,729	152	32,577	32,577								
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	66,857	312	66,545	65,944	-					601		
4	Sở Ngoại vụ	8,303	90	8,213	6,262				1,951				
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	156,068	1,544	154,524	52,213		-	-	-	-	102,311	-	
	<i>Trong đó: Kinh phí chi từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ</i>	9,380		9,380							9,380		

6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11,964	199	11,765	8,281	-					3,484		
7	Sở Tư pháp	21,924	179	21,745	14,989		-	-	-	-	6,756	-	-
8	Sở Công Thương	24,221	270	23,951	11,565		-	-	-	-	12,386		-
9	Sở Khoa học và Công nghệ	42,629	129	42,500	10,314		-	-	32,186	-	-	-	-
10	Sở Tài chính	22,251	210	22,041	21,841	200							
11	Sở Xây dựng	12,403	154	12,249	11,781		-				468		
12	Sở Giao thông vận tải	83,903	224	83,679	6,566	1,886		-	-	-	-	75,227	-
13	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	4,901	74	4,827	4,827						-		
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	543,901	4,585	539,316	11,140	528,176		-	-	-	-	-	-
15	Sở Y tế	408,817	4,236	404,581	12,787		391,794		-	-	-	-	-
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	134,699	894	133,805	12,857	30,717	4,300			82,253	3,678		
17	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	181,729	779	180,950	8,436	33,752		-	-	138,762	-	-	-
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	95,103	307	94,796	13,564		-	-	-	-	81,232	-	
19	Sở Thông tin và Thông tin	52,034	163	51,871	5,744				-	46,127	-	-	-
20	Sở Nội vụ	46,836	306	46,530	30,236	2,711		-	-	-	-	13,583	-
21	Thanh tra tỉnh	10,439	141	10,298	10,298		-						
22	Ban Dân tộc	12,163	75	12,088	12,088		-						
23	Ban quản lý các khu công nghiệp	15,821	174	15,647	5,404	149		-	-	-	-	10,094	-
24	Văn phòng Ban an toàn giao thông	2,136	8	2,128	494							1,634	
<b>II</b>	<b>KHỐI HỘI ĐOÀN</b>				<b>36,902</b>					<b>7,759</b>		<b>26,646</b>	

	<b>THỂ</b>	93,835	526	93,309		2,002						20,000
1	Mặt trận Tổ quốc	9,963	82	9,881	9,121						760	
2	Tinh Đoàn thanh niên	8,131	91	8,040	8,040							
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ	9,378	100	9,278	9,278							
4	Hội Nông dân	7,976	72	7,904	7,904						-	
5	Hội Cựu chiến binh	2,601	42	2,559	2,559							
6	Liên minh các hợp tác xã	11,863	36	11,827		2,002					9,825	-
7	Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật tỉnh	1,847	7	1,840							1,840	
8	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	464		464							464	
9	Hội Văn học nghệ thuật	7,785	26	7,759					7,759			
10	Hội Nhà báo	2,210	16	2,194							2,194	
11	Hội Luật gia	173		173							173	
12	Hội Chữ thập đỏ	5,173	22	5,151							5,151	
13	Hội Người cao tuổi	416		416							416	
14	Hội Người mù	437		437							437	
15	Hội Đông y	1,809	32	1,777	-	-	-	-	-	-	1,777	
16	Hội Nạn nhân chất độc da cam	404		404							404	
17	Hội Cựu Thanh niên xung phong	172		172							172	
18	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ em	284		284							284	
19	Hội Khuyến học	300		300							300	

20	Hội Hữu nghị Việt lào	730		730							730		
21	Hội Làm vườn	515		515							515		
22	Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa	340		340							340		
23	Hội doanh nghiệp	700		700							700		
24	Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	164		164							164		
25	Hỗ trợ các hội, trích kết quả thanh tra, hỗ trợ khác	20,000		20,000									20,000
<b>III</b>	<b>KHỐI TỈNH ỦY</b>	<b>185,180</b>	<b>603</b>	<b>184,577</b>	<b>141,529</b>	<b>-</b>	<b>23,145</b>	<b>-</b>	<b>19,903</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Văn phòng Tỉnh ủy	42,539	158	42,381	42,381								
2	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	23,338	63	23,275	23,275								
3	Ban Nội chính Tỉnh ủy	7,565	51	7,515	7,515								
4	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	39,091	84	39,008	39,008								
5	Ban Dân vận Tỉnh ủy	7,578	48	7,531	7,531								
6	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	9,639	69	9,570	9,570								
7	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	7,950	49	7,901	7,901								
8	Báo Thái Nguyên	22,726	40	22,686	2,783				19,903				
9	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe	24,754	42	24,712	1,567		23,145						
<b>IV</b>	<b>CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP</b>	<b>582,808</b>	<b>952</b>	<b>581,856</b>	<b>30,000</b>	<b>131,508</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>59,327</b>	<b>-</b>	<b>216,484</b>	<b>93,083</b>	<b>51,454</b>
1	Nhà khách Ủy ban nhân dân tỉnh	1,528	23	1,505							1,505		
2	Trung tâm Thông tin	9,403	53	9,350							9,350		

3	Đài Phát thanh - Truyền hình	59,584	257	59,327					59,327				
5	Trường Chính trị tỉnh	13,812	-	13,812		13,812							
6	Trường Cao đẳng Thái Nguyên	69,161	619	68,542		68,542							
8	Trường Cao đẳng Y tế	638	-	638		638							
9	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	18,953		18,953							18,953		
10	Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	2,403		2,403							2,403		
11	Tiểu ban quản lý Quy hoạch Dự án Sông Cầu	120		120							120		
12	Chi nhánh Công ty Cổ phần đăng kiểm Bắc Kan tại tỉnh Thái Nguyên	200		200									200
13	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 20-07D thuộc Công ty Cổ phần hợp kim sắt gang thép Thái Nguyên	211		211									211
14	Công ty Cổ phần đăng kiểm xe cơ giới (Trung tâm 20-05D)	267		267									267
15	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 20-03D thuộc Công ty Cổ phần quốc tế Thái Việt	309		309									309
16	Công ty Cổ phần vận tải Thái Nguyên (Trung tâm 20-06D)	350		350									350

17	Công ty CP Đầu tư công nghệ Langbiang (Trung tâm 20-08D)	237		237									237
18	Công an tỉnh	23,083		23,083	-	1,000						22,083	
19	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	85,000		85,000		14,000						71,000	
20	Hỗ trợ 1 số đơn vị khác	49,880	-	49,880		-	-	-	-	-	-	-	49,880
	- Đối ứng dự án	40,000		40,000	-								40,000
	- Mở rộng mẫu điều tra thống kê (Cục thống kê)	900		900									900
	- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	400		400									400
	- Tòa án tỉnh	400		400									400
	- Cục Thi hành án tỉnh	400		400									400
	- Liên đoàn Lao động tỉnh	200		200									200
	- Công đoàn Viên chức tỉnh	180		180									180
	- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xô số kiến thiết (kinh phí chống sò đê)	400		400									400
	- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên - Kinh phí đầu nối, sửa chữa các tuyến thu gom nước thải từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước	7,000		7,000									7,000

	<i>thời sinh hoạt</i>												
21	Kinh phí thực hiện dịch vụ công ích thủy lợi và duy tu sửa chữa nâng cấp các công trình nông nghiệp	124,773		124,773							124,773		
-	<i>Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên</i>			119,799							119,799		
-	<i>Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương</i>			4,974							4,974		
22	Kinh phí chương trình, đề án, dự án của tỉnh	50,000		50,000							50,000		
23	Kinh phí hỗ trợ trực tiếp người trồng lúa từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo NĐ 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ	9,380		9,380							9,380		
24	Kinh phí nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	63,516		63,516	30,000	33,516							
<b>V</b>	<b>BẢO HIỂM Y TẾ</b>	<b>283,374</b>		<b>283,374</b>				<b>283,374</b>					

**Phụ lục V****SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ THUỘC TỈNH NĂM 2022***(Kèm theo Nghị quyết số: 198/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Đơn vị	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Thu NS huyện hưởng theo phân cấp	Nguồn tự đảm bảo cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Chi từ tiền bảo vệ đất mặt	Tổng thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	Tổng chi ngân sách huyện, thành phố, thị xã	Trong đó			
									Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi trả lãi vay	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Dự phòng ngân sách
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
	<b>Tổng số</b>	<b>6,835,100</b>	<b>6,200,290</b>	<b>470,623</b>	<b>25,500</b>	<b>15,120</b>	<b>3,620,378</b>	<b>10,331,911</b>	<b>4,046,945</b>	<b>30,830</b>	<b>2,932,223</b>	<b>192,562</b>
1	TP Thái Nguyên	2,644,100	2,391,325	213,679	5,500		98,914	2,709,418	1,307,195	30,830	533,008	48,828
2	TP Sông Công	723,100	659,600	29,418		6,500	168,041	863,559	460,000		148,894	16,228
3	Thị xã Phổ Yên	1,900,800	1,693,500	116,286	2,000	3,000	315,651	2,130,437	1,312,500		338,814	39,395
4	Huyện Định Hoá	54,220	50,250	14,392		70	540,588	605,300	6,750		319,328	11,585
5	Huyện Đại Từ	248,820	230,420	27,106	5,000	4,500	688,490	955,516	93,000		420,031	18,018
6	Huyện Phú Lương	80,090	71,910	10,634	1,500		423,699	507,743	13,500		262,585	9,718
7	Huyện Phú Bình	923,000	859,500	17,646		1,000	546,607	1,424,753	750,000		328,001	27,571
8	Huyện Võ Nhai	204,680	53,055	18,706	3,000		461,527	536,288	9,000		314,395	10,090
9	Huyện Đồng Hỷ	56,290	190,730	22,756	8,500	50	376,860	598,896	95,000		267,166	11,129

**Phụ lục VI**

**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 198/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
	<b>Tổng số</b>	<b>2 059 952</b>	<b>1 960 883</b>	<b>99 069</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ vốn đầu tư</b>	<b>1 960 883</b>	<b>1 960 883</b>	
1	Vốn ngoài nước	355 200	355 200	
2	Vốn trong nước	1 605 683	1 605 683	
<b>II</b>	<b>Bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp</b>	<b>99 069</b>		<b>99 069</b>

**Phụ lục VII**  
**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 198/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
<b>I</b>	<b>Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	<b>18,000,000</b>
1	Thu nội địa	15,660,000
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	2,340,000
<b>II</b>	<b>Thu ngân sách địa phương</b>	<b>17,930,386</b>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	15,155,675
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	2,304,088
	<i>Bổ sung cân đối</i>	<i>244,136</i>
	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>2,059,952</i>
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	470,623
<b>III</b>	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	<b>18,263,886</b>
1	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	16,203,934
-	<i>Chi đầu tư phát triển</i>	<i>6,552,532</i>
-	<i>Chi thường xuyên</i>	<i>8,573,470</i>
-	<i>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</i>	<i>655,837</i>
-	<i>Chi trả nợ gốc, lãi và phí vay do chính quyền địa phương vay</i>	<i>38,533</i>
-	<i>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</i>	<i>1,000</i>
-	<i>Dự phòng ngân sách</i>	<i>382,562</i>
2	Chi chương trình mục tiêu	2,059,952
<b>IV</b>	<b>Bội chi ngân sách địa phương</b>	<b>333,500</b>
<b>V</b>	<b>Tổng mức vay của ngân sách địa phương</b>	<b>333,500</b>

## Phụ lục VIII

### KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ CỦA TỈNH NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 198/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
<b>A</b>	<b>MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>4,546,703</b>
<b>B</b>	<b>BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>333,500</b>
<b>C</b>	<b>KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng dư nợ đầu năm</b>	<b>523,859</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>12</i>
1	Vay trong nước	
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	523,859
<b>II</b>	<b>Tổng mức vay trong năm</b>	<b>333,500</b>
<b>III</b>	<b>Trả nợ gốc vay trong năm</b>	<b>26,200</b>
<b>1</b>	<b>Theo nguồn vốn vay</b>	<b>26,200</b>
-	Vay trong nước	
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	26,200
	<i>Trong đó: Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, dự án phát triển tổng hợp đô thị động lực (đơn vị trả: Thành phố Thái Nguyên)</i>	<i>20,300</i>
<b>2</b>	<b>Theo nguồn trả nợ</b>	<b>26,200</b>
-	Bội thu ngân sách địa phương	26,200
<b>IV</b>	<b>Tổng dư nợ cuối năm</b>	<b>831,159</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>18%</i>

**Ghi chú:** Không bao gồm Dự án Năng lượng nông thôn 2 (RE II)

**CÔNG BÁO** tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ : Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ: “Văn bản đăng trên Công báo là văn bản chính thức và có giá trị như bản gốc.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

---

## **VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: [portal@thainguyen.gov.vn](mailto:portal@thainguyen.gov.vn)

Website: [www.congbaothainguyen.gov.vn](http://www.congbaothainguyen.gov.vn)